

MỤC LỤC

Chuyên đề 1: KỸ NĂNG, NGHIỆP VỤ VỀ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT	2
Chuyên đề 2: GIỚI THIỆU LUẬT PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH NĂM 2022	26
Chuyên đề 3: CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG DỰ THẢO CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT	47

Chuyên đề 1

KỸ NĂNG, NGHIỆP VỤ VỀ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

I. VAI TRÒ, VỊ TRÍ, TẦM QUAN TRỌNG CỦA CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

1. Khái niệm, vị trí, vai trò và ý nghĩa của công tác PBGDPL

a. Khái niệm về PBGDPL

Phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) là một cụm từ ghép của hai cụm từ “phổ biến pháp luật” và “giáo dục pháp luật”. PBGDPL có hai nghĩa:

- *Theo nghĩa hẹp*, PBGDPL là truyền đạt tinh thần, nội dung pháp luật giúp cho đối tượng tác động hiểu và hình thành ở họ tri thức pháp luật, tình cảm, thực hiện hành vi phù hợp với các đòi hỏi của các quy định pháp luật hiện hành.

- *Theo nghĩa rộng*, PBGDPL là công tác, lĩnh vực hoạt động, bao gồm tất cả các công đoạn phục vụ cho việc thực hiện PBGDPL (xây dựng chương trình, kế hoạch PBGDPL; triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch PBGDPL thông qua việc áp dụng các hình thức, biện pháp PBGDPL; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết việc thực hiện chương trình, kế hoạch PBGDPL).

b. Vị trí, vai trò của công tác PBGDPL

- *PBGDPL tác động vào ý thức của đối tượng*

Với nhiều hình thức, biện pháp khác nhau, PBGDPL nâng cao nhận thức và tác động trực tiếp đến ý thức của đối tượng. Trước hết, các hoạt động này tạo ra sự quan tâm đối với pháp luật. Từ chỗ không để ý đến sự tồn tại của pháp luật, đối tượng được phổ biến bắt đầu dành sự quan tâm của mình đối với pháp luật, đồng thời sự hiểu biết về pháp luật ngày càng được nâng cao. Pháp luật chính là phương tiện hàng đầu để nhà nước quản lý xã hội và cũng là phương tiện cho mỗi người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Công tác PBGDPL giúp cho đối tượng nhận thức được những giá trị cao đẹp ấy của pháp luật và biết sử dụng phương tiện hữu hiệu đó trong cuộc sống.

Một vai trò hết sức quan trọng của PBGDPL là tạo được niềm tin vào pháp luật. Khi đã có niềm tin, đối tượng sẽ tự biết điều chỉnh hành vi của mình theo đúng các quy định của pháp luật. Không những thế, họ còn có ý thức phê phán, lên án những hành vi vi phạm, đi ngược lại với các quy định của pháp luật.

- *PBGDPL là một bộ phận quan trọng của công tác giáo dục chính trị tư tưởng*

Việc hiểu được các quy định của pháp luật là hiểu được chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng, qua đó có lập trường tư tưởng vững vàng, vững tin đi theo sự lãnh đạo của Đảng, kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Có thể thấy rằng ý thức pháp luật là một bộ phận của ý thức chính trị. Vì vậy, khi thực hiện giáo dục pháp luật sẽ tạo ra khả năng cho việc giáo dục chính trị, hình thành ở đối tượng những sự hiểu biết nhất định về chính trị. Ngược lại,

giáo dục chính trị có những sự đan xen nhất định trong nội dung của mình những tư tưởng pháp lý.

- Giáo dục ý thức pháp luật và đạo đức

Đạo đức là những tiêu chuẩn, những nguyên tắc ứng xử được dư luận xã hội thừa nhận, quy định hành vi, quan hệ của con người đối với nhau và đối với xã hội.

Pháp luật là chỗ dựa và là cơ sở của việc hình thành đạo đức mới. Các nguyên tắc căn bản của đạo đức mới được thể chế hoá thành các quy phạm pháp luật. Do đó pháp luật bảo vệ và phát triển đạo đức, bảo vệ tính công bằng, chủ nghĩa nhân đạo, tự do, lòng tin và lương tâm con người. Giáo dục đạo đức tạo nên tiền đề cần thiết để hình thành ở công dân sự tôn trọng sâu sắc đối với pháp luật. Ngược lại giáo dục pháp luật tạo ra khả năng thiết lập trong đời sống thực tiễn hàng ngày những nguyên tắc của đạo đức, củng cố các nghĩa vụ đạo đức.

Có thể nói giáo dục pháp luật và giáo dục đạo đức cùng tác động vào lòng tin của con người đối với sự cần thiết tuân theo những nguyên tắc cơ bản của đạo đức mới, lòng tin đối với giá trị xã hội của pháp luật và lòng tin đối với các quy phạm đạo đức và pháp luật trong đời sống hướng đến hoàn thiện những mối quan hệ lẫn nhau giữa con người với con người.

- PBGDPL là khâu đầu tiên trong quá trình triển khai thực hiện pháp luật

Giáo dục pháp luật với những phương thức khác nhau, trong đó có phổ biến, tuyên truyền pháp luật, tạo điều kiện cho việc nâng cao trình độ văn hoá pháp lý của người dân. Đồng thời, sự phát triển của văn hoá pháp lý cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp của hoạt động thực thi pháp luật của các cơ quan nhà nước. Hiệu quả tác động này lại phụ thuộc vào trình độ văn hoá pháp lý của đội ngũ cán bộ, công chức; phụ thuộc vào việc họ thực thi đúng pháp luật, có thái độ tôn trọng pháp luật. Bởi vậy, thực hiện nhiệm vụ nâng cao văn hoá pháp lý đòi hỏi không chỉ nâng cao trình độ văn hoá chung của nhân dân mà còn phải tăng cường năng lực thực thi pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức các cơ quan nhà nước. Một trong những nguyên nhân của tình trạng vi phạm pháp luật là do trình độ văn hoá pháp lý của một bộ phận nhân dân, trong đó có cả cán bộ, công chức còn thấp. Rõ ràng, việc nâng cao văn hoá pháp lý có quan hệ gắn bó mật thiết với việc tiếp tục tăng cường pháp chế.

Trong điều kiện xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh thì một trong những điều kiện quan trọng là làm sao để người dân được tham gia tích cực vào các hoạt động quản lý xã hội bằng pháp luật. Tăng cường dân chủ cũng có nghĩa là mở rộng sự tham gia của người dân vào các hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp, thực hiện giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước. Chính điều này đã nâng cao trách nhiệm của mỗi người trong xã hội. PBGDPL góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy sự lớn mạnh của tính tích cực, đảm bảo hành trang kiến thức pháp lý cần thiết cho sự tham gia vào các hoạt động xây dựng pháp luật và thực thi pháp luật.

c. Ý nghĩa của việc PBGDPL

- Nâng cao hiểu biết pháp luật cho đối tượng

Pháp luật của Nhà nước không phải khi nào cũng được mọi người trong xã hội biết đến, tìm hiểu, đồng tình ủng hộ và thực hiện nghiêm chỉnh. Tuy rằng bản chất pháp luật của Nhà nước ta là rất tốt đẹp, nó phản ánh ý chí, nguyện vọng, mong muốn của đông đảo quần chúng nhân dân trong xã hội. Nhưng những quy định của pháp luật dù có tốt đẹp bao nhiêu mà không được nhân dân biết đến thì vẫn chỉ là những trang giấy.

Pháp luật của Nhà nước có thể được một số người tìm hiểu, quan tâm và nắm bắt xuất phát từ nhu cầu học tập, nghiên cứu hay từ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của họ. Những người này luôn theo sát những quy định của pháp luật mới ban hành để phục vụ trực tiếp cho công việc của mình, nhưng số lượng đối tượng này không phải là nhiều. Trong điều kiện trình độ dân trí còn chưa cao, đời sống kinh tế của đa số nhân dân còn gặp nhiều khó khăn cho nên đối tượng nằm trong sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật, nghĩa là số đông nhân dân lao động trong xã hội chưa có điều kiện tiếp cận với pháp luật.

PBGDPL chính là phương tiện truyền tải những thông tin, những yêu cầu, nội dung và các quy định pháp luật đến với người dân, giúp cho người dân hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời mà không mất quá nhiều thời gian, công sức cho việc tự tìm hiểu, tự học tập. Đó chính là phương tiện hỗ trợ tích cực để nâng cao hiểu biết pháp luật cho nhân dân.

- Hình thành lòng tin vào pháp luật của đối tượng

Pháp luật chỉ có thể được mọi người thực hiện nghiêm chỉnh khi họ tin tưởng vào những quy định của pháp luật. Pháp luật được xây dựng là để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, đảm bảo lợi ích chung của cộng đồng, bảo đảm công bằng và dân chủ xã hội. Do đó khi nào người dân nhận thức đầy đủ được như vậy thì pháp luật không cần một biện pháp cưỡng chế nào mà mọi người vẫn tự giác thực hiện.

Tạo lập niềm tin vào pháp luật cho mỗi người và cả cộng đồng đòi hỏi sự kết hợp nhiều yếu tố. Một trong các yếu tố đóng vai trò quan trọng là PBGDPL để mọi người hiểu biết về pháp luật, hiểu biết về quá trình thực hiện và áp dụng, những ưu điểm, hạn chế của quá trình điều chỉnh pháp luật.

Pháp luật cũng như mọi hiện tượng khác trong xã hội bao giờ cũng có hai mặt, không phải lúc nào cũng thoả mãn hết, phản ánh được đầy đủ nguyện vọng, mong muốn của tất cả mọi người trong xã hội. Quá trình điều chỉnh pháp luật sẽ lấy lợi ích của đông đảo nhân dân trong xã hội làm tiêu chí, thước đo, do đó sẽ có một số ít không thoả mãn được. Chính các yếu tố hạn chế và mặt trái của các quy định pháp luật càng tạo nên sự cần thiết của công tác PBGDPL để mọi người hiểu đúng pháp luật, đồng tình ủng hộ pháp luật. Có như vậy mới hình thành lòng tin vào pháp luật của đông đảo nhân dân trong xã hội.

- Nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật của đối tượng

Ý thức pháp luật của người dân được hình thành từ 2 yếu tố, đó là tri thức

pháp luật và tình cảm pháp luật.

Tri thức pháp luật là sự hiểu biết pháp luật của các chủ thể có được qua việc học tập, tìm hiểu pháp luật, qua quá trình tích lũy kiến thức của hoạt động thực tiễn và công tác.

Tình cảm pháp luật là trạng thái tâm lý của các chủ thể khi thực hiện hay áp dụng pháp luật, họ có thể đồng tình ủng hộ với những hành vi thực hiện đúng pháp luật và lên án các hành vi vi phạm pháp luật.

Ý thức tự giác chấp hành pháp luật chỉ có thể được nâng cao khi công tác PBGDPL cho nhân dân được tiến hành thường xuyên, kịp thời và có tính thuyết phục. PBGDPL không đơn thuần là tuyên truyền các văn bản pháp luật đang có hiệu lực mà còn lên án các hành vi vi phạm pháp luật, đồng tình ủng hộ các hành vi thực hiện đúng pháp luật, hình thành dư luận và tâm lý đồng tình ủng hộ với hành vi hợp pháp, lên án các hành vi vi phạm pháp luật.

PBGDPL nhằm hình thành, củng cố tình cảm tốt đẹp của con người với pháp luật, đồng thời ngày càng nâng cao sự hiểu biết của con người đối với các văn bản pháp luật và các hiện tượng pháp luật trong đời sống, từ đó nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật của nhân dân.

2. Chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật hiện hành của Nhà nước về công tác PBGDPL

Công tác PBGDPL là khâu đầu tiên của quá trình thi hành pháp luật và có vai trò hết sức quan trọng trong việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Xuất phát từ vai trò, ý nghĩa quan trọng của công tác PBGDPL, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến công tác này. Trong rất nhiều văn kiện của Đảng và pháp luật của Nhà nước đã đề cập đến công tác PBGDPL. Đặc biệt, Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, Nhân dân (sau đây gọi tắt là Chỉ thị số 32-CT/TW) đã khẳng định: *“PBGDPL là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng”*. Đây là cơ sở chính trị quan trọng đầu tiên của Ban Bí thư Trung ương Đảng về PBGDPL, tạo nên sự thống nhất trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thế chế hóa quan điểm của Đảng tại Chỉ thị số 32-CT/TW, Điều 3 Luật PBGDPL năm 2012 quy định chính sách của Nhà nước về PBGDPL bao gồm: *“PBGDPL là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt. Nhà nước bảo đảm nguồn lực cần thiết cho công tác PBGDPL. Thực hiện xã hội hóa công tác PBGDPL; khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có đóng góp tích cực trong công tác PBGDPL. Giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân được lồng ghép trong chương trình giáo dục của các cấp học và trình độ đào tạo; là một nội dung trong chương trình giáo*

đục trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học".

Trước những đòi hỏi, thách thức mới cần phải có sự thay đổi một cách toàn diện, sâu sắc từ tư duy, nhận thức đến cách làm, ngày 20/6/2020, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Kết luận số 80-KL/TW về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW, trong đó xác định chủ trương, định hướng đổi mới, là cơ sở để đề ra các giải pháp tạo sự chuyển biến căn bản về chất lượng, hiệu quả công tác PBGDPL. Kết luận số 80-KL/TW đã tiếp tục khẳng định: "*PBGDPL là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cũng như vai trò nòng cốt của Nhà nước trong công tác PBGDPL, thể hiện sự nhất quán trong định hướng, lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện tổ chức thực hiện PBGDPL*". Kết luận đã bổ sung quy định về việc đa dạng hoá, huy động mạnh mẽ các nguồn lực trong xã hội tham gia công tác PBGDPL, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức xã hội và toàn thể người dân tham gia. Quy định này nhằm tạo sự cân bằng cần thiết, hài hoà giữa trách nhiệm của Nhà nước và trách nhiệm của xã hội, của các tổ chức, doanh nghiệp, người dân trong tham gia PBGDPL; thúc đẩy ý thức tự giác, chủ động tìm hiểu, học tập pháp luật nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi cá nhân công dân. Định hướng này cũng tiệm cận và phù hợp với xu thế chung của sự vận động và phát triển, khi dân trí từng bước được nâng cao, Nhà nước cần giảm dần vai trò chủ động triển khai PBGDPL cũng như việc bố trí nguồn lực thực hiện. Thay vào đó là sự tham gia của xã hội để chia sẻ, đồng hành, hỗ trợ với Nhà nước vì lợi ích công.

Một điểm mới quan trọng thể hiện sự thay đổi trong tư duy, quan điểm về công tác PBGDPL trong Kết luận số 80-KL/TW là chủ trương kết hợp chặt chẽ công tác PBGDPL với xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật. Quan điểm này định vị đúng vị trí, vai trò của công tác PBGDPL trong mối quan hệ với xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật theo hướng PBGDPL là khâu đầu tiên đưa pháp luật vào cuộc sống, thúc đẩy việc thực thi pháp luật; đồng thời qua công tác PBGDPL, nắm bắt, tổng hợp vướng mắc, bất cập của pháp luật trong quá trình thực thi để đề xuất hoàn thiện pháp luật, giúp Nhà nước phản ứng chính sách linh hoạt và hiệu quả hơn.

Cụ thể hóa quan điểm của Kết luận số 80-KL/TW, Quyết định số 1521/QĐ-TTg đã xác định giao trách nhiệm cho Thủ trưởng các bộ, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức quán triệt, triển khai sâu rộng, toàn diện nội dung Kết luận số 80-KL/TW bằng hình thức phù hợp đến các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; ban hành hoặc tham mưu cấp ủy cùng cấp ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Kết luận nhằm phát huy vai trò, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác PBGDPL và hoạt động phối hợp giữa các ngành, các cấp trong công tác này.

Các văn bản này có ý nghĩa quan trọng, khẳng định quyết tâm của Đảng và Nhà nước ta trong việc đẩy mạnh công tác PBGDPL, làm chuyển biến nhận thức, từng bước nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, Nhân dân, góp phần

tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, quản lý xã hội bằng pháp luật trong thời kỳ đổi mới.

II. CHÍNH SÁCH, NGUYÊN TẮC, NỘI DUNG, HÌNH THỨC PBGDPL

1. Chính sách của Nhà nước về PBGDPL

Các chính sách của Nhà nước về PBGDPL đã được quy định trong nhiều chủ trương, đường lối, chính sách, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước, đặc biệt được quy định cụ thể trong Điều 3 của Luật PBGDPL năm 2012. Các chính sách của Nhà nước về PBGDPL được thể hiện ở các quy định sau đây:

- PBGDPL là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt.
- Nhà nước bảo đảm nguồn lực cần thiết cho công tác PBGDPL.
- Thực hiện xã hội hóa công tác PBGDPL; khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có đóng góp tích cực trong công tác PBGDPL.
- Giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân được lồng ghép trong chương trình giáo dục của các cấp học và trình độ đào tạo; là một nội dung trong chương trình giáo dục trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học.

2. Các nguyên tắc PBGDPL

Để công tác PBGDPL thật sự có hiệu quả trong cuộc sống thì các hoạt động phổ biến, giáo dục phải được thực hiện theo nhiều hình thức, biện pháp khác nhau. Chính vì vậy đòi hỏi các nhà quản lý cũng như đội ngũ những người làm công tác tuyên truyền pháp luật, đội ngũ Báo cáo viên, tuyên truyền viên phải thực hiện nhiều hình thức phổ biến khác nhau. Tuy nhiên khi phổ biến, giáo dục cần tuân thủ theo các nguyên tắc cơ bản sau đây:

- Chính xác, đầy đủ, rõ ràng, dễ hiểu, thiết thực.
- Kịp thời, thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm.
- Đa dạng các hình thức PBGDPL, phù hợp với nhu cầu, lứa tuổi, trình độ của đối tượng được PBGDPL và truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc.
- Gắn với việc thi hành pháp luật, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước, của địa phương và đời sống hằng ngày của người dân.
- Phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan, tổ chức, gia đình và xã hội.

3. Nội dung PBGDPL

Về nội dung PBGDPL ngày càng phong phú đa dạng bởi càng ngày các mối quan hệ xã hội có tác động đến đời sống của người dân hoặc có tác động đến nền kinh tế, xã hội của Nhà nước đều cần phải được luật hóa. Tuy nhiên, việc PBGDPL không thể dàn trải mà cần phải được tập trung theo các đối tượng hoặc các nhóm

đối tượng. Chính vì vậy, tại Điều 10 Luật PBGDPL năm 2012 đã quy định nội dung PBGDPL bao gồm ba nội dung cơ bản, chủ yếu như sau:

- Quy định của Hiến pháp và văn bản quy phạm pháp luật, trọng tâm là các quy định của pháp luật về dân sự, hình sự, hành chính, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, lao động, giáo dục, y tế, quốc phòng, an ninh, giao thông, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành.

- Các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, các thỏa thuận quốc tế.

- Ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; ý thức bảo vệ pháp luật; lợi ích của việc chấp hành pháp luật; gương người tốt, việc tốt trong thực hiện pháp luật.

4. Hình thức PBGDPL

Về hình thức PBGDPL thường tùy thuộc vào điều kiện tổ chức, kinh phí của các cơ quan, đơn vị, tổ chức; đồng thời, tùy thuộc vào nội dung cần chuyển tải và đối tượng cần phổ biến, giáo dục. Về vấn đề này, tại Điều 11 Luật PBGDPL đã có quy định cụ thể các hoạt động PBGDPL được thực hiện bằng các hình thức cơ bản sau đây:

- Họa báo, thông cáo báo chí.

- Phổ biến pháp luật trực tiếp; tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật.

- Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, internet, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động; đăng tải trên Công báo; đăng tải thông tin pháp luật trên trang thông tin điện tử; niêm yết tại trụ sở, bảng tin của cơ quan, tổ chức, khu dân cư.

- Tổ chức thi tìm hiểu pháp luật.

- Thông qua công tác xét xử, xử lý vi phạm hành chính, hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và hoạt động khác của các cơ quan trong bộ máy nhà nước; thông qua hoạt động trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở.

- Lòng ghép trong hoạt động văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt của tổ chức chính trị và các đoàn thể, câu lạc bộ, tủ sách pháp luật và các thiết chế văn hóa khác ở cơ sở.

- Thông qua chương trình giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

- Các hình thức PBGDPL khác phù hợp với từng đối tượng cụ thể mà các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có thể áp dụng để bảo đảm cho công tác PBGDPL đem lại hiệu quả.

III. CÁC HÀNH VI BỊ CẤM TRONG HOẠT ĐỘNG PBGDPL

1. Các hành vi bị cấm

Trong quá trình thực hiện các hình thức và biện pháp PBGDPL, cần hết sức thận trọng và cần tuân thủ theo các quy định cấm sau đây:

- Truyền đạt sai lệch, phê phán nội dung pháp luật được phổ biến; không cung cấp thông tin, tài liệu theo quy định của pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu có nội dung sai sự thật, trái pháp luật, trái đạo đức xã hội, truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

- Lợi dụng phổ biến, giáo dục pháp luật để xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền chính sách thù địch, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc; xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Cản trở việc thực hiện quyền được thông tin, tìm hiểu, học tập pháp luật của công dân, hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Lợi dụng việc thực hiện quyền được thông tin, tìm hiểu, học tập pháp luật để gây cản trở đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân, gây mất trật tự, an toàn xã hội.

2. Chế tài

Về chế tài để xử lý các hành vi vi phạm các quy định trong hoạt động PBGDPL đã được quy định chi tiết cụ thể tại Điều 49, Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Cụ thể:

"1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cản trở việc thực hiện quyền được thông tin, tìm hiểu, học tập pháp luật của công dân;

b) Cản trở hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin, tài liệu có nội dung sai sự thật, trái pháp luật, trái đạo đức xã hội, truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng phổ biến, giáo dục pháp luật để xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền chính sách thù địch, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc; xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc cải chính thông tin; Buộc hủy bỏ tài liệu đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này."

IV. QUY ĐỊNH VỀ TUYÊN TRUYỀN VIÊN PHÁP LUẬT

1. Tuyên truyền viên pháp luật

Tuyên truyền viên pháp luật có vị trí rất quan trọng, giữ vai trò nòng cốt trong công tác PBGDPL tại cơ sở. Tại khoản 1 Điều 37 Luật PBGDPL năm 2012 quy định: "*Người có uy tín, kiến thức, am hiểu về pháp luật được xem xét để công nhận là tuyên truyền viên pháp luật ở xã, phường, thị trấn hoặc được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật ở cơ sở*".

2. Thẩm quyền quyết định công nhận, miễn nhiệm tuyên truyền viên pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận tuyên truyền viên pháp luật.

Trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật được quy định tại Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

3. Quyền lợi của Tuyên truyền viên pháp luật: Được cung cấp văn bản pháp luật; được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ PBGDPL; hưởng thù lao, chế độ theo quy định của pháp luật.

4. Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ của tuyên truyền viên pháp luật

Điểm a Khoản 1, Khoản 2 Điều 49 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp; hôn nhân gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã quy định như sau: "*Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng danh nghĩa tuyên truyền viên pháp luật để thực hiện các hoạt động không thuộc nhiệm vụ được giao nhằm trục lợi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự*".

Ngoài ra, còn thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm.

V. MỘT SỐ KỸ NĂNG PBGDPL CƠ BẢN

1. Phổ biến pháp luật trực tiếp

Phổ biến pháp luật trực tiếp là hình thức PBGDPL mà đặc trưng chính là dùng lời lẽ trực tiếp truyền đạt nội dung pháp luật cho người nghe. Phổ biến pháp luật trực tiếp chủ yếu được thực hiện thông qua các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn, nói chuyện chuyên đề, giới thiệu văn bản pháp luật mới, sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật.

Phổ biến pháp luật trực tiếp có nhiều ưu thế, đặc biệt là tính linh hoạt, có thể tiến hành ở bất cứ địa điểm nào, trong bất kỳ điều kiện, hoàn cảnh nào với số lượng người nghe bao nhiêu. Do đây là hình thức PBGDPL trực tiếp nên người nói có điều kiện thuận lợi để giải thích, phân tích, người nghe có cơ hội trao đổi, thảo luận, hỏi thêm những điều chưa rõ. Chủ thể thực hiện hoạt động PBGDPL thông qua hình thức này cần đáp ứng những yêu cầu cơ bản sau đây:

a. Gây thiện cảm ban đầu cho người nghe

Việc gây thiện cảm ban đầu cho người nghe rất quan trọng. Thiện cảm ban đầu thể hiện ở nhân thân, tâm thế và biểu hiện của người nói khi bước lên bục, ở

danh tiếng, phẩm chất đạo đức, học hàm, học vị, chức vụ của người nói. Thiện cảm ban đầu còn được tạo ra bởi khung cảnh của hội trường, khung cảnh của diễn đàn, dáng vẻ bề ngoài, y phục, nét mặt, cử chỉ, phong thái, lời giao tiếp ban đầu. Như vậy, báo cáo viên cần phải tươi cười bao quát hội trường, có lời chào mừng, chúc tụng, có câu mở đầu dí dỏm, hài hước, công bố thời gian, chương trình làm việc rõ ràng, thoải mái... sẽ gây được thiện cảm ban đầu đối với người nghe. Thế nhưng, thiện cảm ban đầu chủ yếu là ở cách đặt vấn đề đầu tiên của người nói. Trong những phút đầu tiên của bài giới thiệu, người nói phải nêu được khoảng 3- 4 vấn đề chủ yếu mà người nghe cần tìm hiểu nhất. Việc nêu các vấn đề đó còn tùy thuộc ở khả năng thuyết trình của báo cáo viên. Báo cáo viên có thể bắt đầu từ một câu chuyện pháp luật được các phương tiện thông tin đại chúng nói đến nhiều thời gian qua hoặc có thể bắt đầu từ một bộ phim đã chiếu khá phổ biến hoặc cũng có thể bằng các tình huống xảy ra gần địa bàn nơi tổ chức...

b. Tạo sự hấp dẫn, gây ấn tượng trong khi nói

Nghệ thuật phổ biến là tạo nên sự hấp dẫn, gây ấn tượng bằng giọng nói, điệu bộ, ngôn ngữ. Giọng nói phải rõ ràng, mạch lạc nhưng truyền cảm. Hết sức tránh lối nói đều đều. Giọng nói, âm lượng phải thay đổi theo nội dung và nhấn mạnh vào những điểm quan trọng, cần phải chú ý. Động tác, cử chỉ cần phải phù hợp với nội dung và giọng nói để nâng cao hiệu quả phổ biến của lời nói. Sắc thái có tác dụng truyền cảm rất lớn. Vẻ mặt của người nói cần thay đổi theo diễn biến của nội dung. Khi nói cần chú ý nhìn vào một nhóm người ngồi dưới, thỉnh thoảng người nói cần thay đổi vị trí nhìn để tạo sự chú ý. Người nói cần đưa ra số liệu, sự kiện để minh họa, đặt câu hỏi để tăng thêm sự chú ý của người nghe.

Người nói cũng cần phát huy vai trò thông tin, truyền cảm của ngôn ngữ bằng cách sử dụng chính xác, đúng mục thuật ngữ pháp lý, thuật ngữ chuyên ngành và ngôn ngữ phổ thông. Người nói có thể kết hợp, lồng ghép, sử dụng hợp lý, chính xác ý tứ, ngôn từ trong kinh điển, thơ, văn, ca dao, dân ca vào buổi PBGDPL để tăng tính hấp dẫn, thuyết phục đối với người nghe.

c. Bảo đảm các nguyên tắc sư phạm trong phổ biến pháp luật trực tiếp

Người nói cần tôn trọng các nguyên tắc sư phạm. Từ bố cục bài nói, diễn đạt các đoạn văn, liên kết giữa các đoạn văn đến cách nói đều phải rõ ràng, mạch lạc, lôgic. Người nghe cần được dẫn dắt từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ gần đến xa (phương pháp suy diễn) hoặc từ xa đến gần (phương pháp quy nạp) và tùy từng vấn đề mà dùng lý luận soi sáng cho thực tiễn hoặc từ thực tiễn mà đi sâu vào lý luận. Mục đích cuối cùng vẫn là để người nghe hiểu rõ hơn, toàn diện hơn về những vấn đề mà người nói đã nêu ra. Tuy nhiên dù phân tích, diễn giải rộng hay hẹp đều phải luôn bám sát trọng tâm của vấn đề.

d. Sử dụng phương pháp thuyết phục trong phổ biến pháp luật trực tiếp

Phổ biến pháp luật trực tiếp chủ yếu dùng phương pháp thuyết phục với 03 bộ phận cấu thành, gồm: Chứng minh, giải thích và phân tích.

- Chứng minh là cách thuyết phục chủ yếu dựa vào các dẫn chứng xác thực, khách quan để làm sáng tỏ và xác nhận tính đúng đắn của vấn đề. Các dẫn chứng

đưa ra gồm số liệu, sự kiện, hiện tượng, nhân chứng, danh ngôn, kinh điển. Để có sức thuyết phục, các dẫn chứng được đưa ra phải chính xác, tiêu biểu, toàn diện và sát hợp với vấn đề nêu ra;

- Giải thích là việc dùng lý lẽ để giảng giải giúp người nghe hiểu rõ và hiểu đúng vấn đề. Lập luận trong khi giải thích phải chặt chẽ, chính xác, mạch lạc, khúc triết, không ngụy biện;

- Phân tích là diễn giải, đánh giá vấn đề nhằm tìm được đặc điểm, bản chất, điểm mạnh, điểm yếu, điểm tốt, điểm xấu, sự phù hợp, không phù hợp... của vấn đề. Việc phân tích phải dựa trên cơ sở khoa học, không được cường điệu mặt này hay hạ thấp mặt kia. Sau khi phân tích phải có kết luận, đánh giá, hướng người nghe vào định hướng tư duy đúng đắn, không làm cho người nghe hoài nghi, dao động, hoang mang.

đ. Bước chuẩn bị

Gồm 05 nội dung chính: (1) Nắm vững đối tượng phổ biến; (2) Nắm vững vấn đề liên quan đến lĩnh vực mà văn bản điều chỉnh; (3) Nắm vững nội dung văn bản; (4) Sưu tầm tài liệu dẫn chứng, minh họa; (5) Chuẩn bị đề cương phổ biến pháp luật trực tiếp (bao gồm đề cương sơ bộ và đề cương chi tiết).

e. Tiến hành một buổi phổ biến pháp luật trực tiếp

- *Vào đề*: Là phần giới thiệu vấn đề, định hướng tư duy, khơi gợi nhu cầu của đối tượng, thiết lập quan hệ giữa người nói với người nghe. Với phổ biến pháp luật trực tiếp, cách vào đề có hiệu quả thường là gợi ra nhu cầu tìm hiểu ý nghĩa, sự cần thiết phải ban hành văn bản pháp luật. Báo cáo viên có thể bắt đầu từ một câu chuyện pháp luật được các phương tiện thông tin đại chúng nói đến nhiều thời gian qua; có thể bằng các tình huống xảy ra gần địa bàn nơi tổ chức phổ biến hoặc một câu chuyện có liên quan mà tình cờ báo cáo viên biết được qua trao đổi trước buổi phổ biến với một số người nghe.

- *Nội dung*: Là phần chủ yếu của buổi nói, làm cho đối tượng hiểu, nắm được nội dung, chuyển biến nhận thức, nâng cao ý thức pháp luật cho đối tượng. Cần lưu ý là phải nêu được những điểm mới, thời sự để người nghe chú ý; khi phổ biến không được sao chép, đọc nguyên văn văn bản để tránh sự nhầm lẫn. Khi giảng cần phân tích, giải thích và nêu ý nghĩa của văn bản pháp luật đó. Viết, đọc một đoạn nào đó trong văn bản chỉ có tính chất dẫn chứng, minh họa những gì mà người nói đã phân tích, dẫn chứng ở trước.

Trong phổ biến văn bản phải chú ý tới hai điều, đó là: Lựa chọn cách trình bày phù hợp với đối tượng và nêu được vấn đề cơ bản, cốt lõi, trọng tâm để người nghe thấu tóm được tinh thần văn bản. Sử dụng hợp lý kênh ngôn ngữ (nói) và kênh phi ngôn ngữ (cử chỉ, động tác).

- *Phân kết luận*: Là phần người nói thường điểm lại và tóm tắt những vấn đề cơ bản đã phổ biến. Tùy từng đối tượng mà nêu những vấn đề cần lưu ý đối với họ. Trong phần này, người nói sau khi đã phân tích, diễn giải cần phải tóm tắt lại những nội dung chính của buổi phổ biến pháp luật trực tiếp và những vấn đề cần

lưu ý. Tuy nhiên với mỗi một đối tượng khác nhau sẽ có cách thức tóm tắt khác nhau căn cứ vào nhu cầu, lĩnh vực công tác của đối tượng.

2. PBGDPL thông qua hoạt động hòa giải ở cơ sở

a. Khái niệm

Thực tế hiện nay, mặc dù đời sống kinh tế - xã hội đã phát triển, song trình độ hiểu biết pháp luật của Nhân dân ta còn hạn chế, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn ảnh hưởng nhiều bởi phong tục tập quán truyền thống và các phong tục tập quán này có sức mạnh chi phối và điều chỉnh hành vi của con người rất sâu sắc, nhất là các phong tục tập quán về hôn nhân và gia đình vốn có tính bền vững và đã ăn sâu trong nhận thức của người dân từ nhiều đời nay. Vì thế, trong sinh hoạt hàng ngày nhiều người do thiếu hiểu biết pháp luật nên có những xử sự thiếu suy nghĩ, bông bột, không phù hợp với đạo lý truyền thống dẫn đến vi phạm pháp luật hoặc để xảy ra những mâu thuẫn, tranh chấp không đáng có. Bởi vậy, việc hướng dẫn, giải thích các quy định pháp luật, chủ trương, chính sách của Đảng cho các bên tranh chấp và những người có liên quan trong quá trình hòa giải là một trong những hình thức quan trọng và thiết thực. Hòa giải viên trong khi tiến hành hòa giải có thể lồng ghép các nội dung pháp luật có liên quan đến việc hòa giải để PBGDPL cho người dân.

Như vậy, PBGDPL thông qua hoạt động hòa giải ở cơ sở là việc các hòa giải viên bằng hoạt động hòa giải của mình hướng dẫn, giải thích và cung cấp các kiến thức pháp luật, tình cảm pháp luật cho các bên tranh chấp và những người khác trong cộng đồng dân cư nhằm mục đích hình thành ở họ sự hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng pháp luật và thói quen hành động theo pháp luật.

b. Phương pháp thực hiện PBGDPL thông qua hoạt động hòa giải ở cơ sở

Phương pháp thực hiện PBGDPL thông qua hoạt động hòa giải là phương pháp tác động trực tiếp từ chủ thể giáo dục (hòa giải viên) đến đối tượng giáo dục (các bên tranh chấp và những người liên quan) với nội dung PBGDPL xác định, gắn liền với từng mâu thuẫn, tranh chấp cụ thể.

Trong trường hợp này, PBGDPL khác với phổ biến pháp luật trực tiếp ở chỗ chỉ khi nào có vụ việc vi phạm pháp luật hoặc tranh chấp nhỏ xảy ra thì hòa giải viên mới có lý do để tiến hành hòa giải và kết hợp với việc PBGDPL cho các bên tranh chấp và những người có liên quan.

Ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số khi có mâu thuẫn, tranh chấp nhỏ xảy ra, hòa giải viên cần vận dụng kiến thức pháp luật, kết hợp với phong tục tập quán tốt đẹp để giải thích, hướng dẫn, thuyết phục các bên tranh chấp tự nguyện, giải quyết với nhau trên cơ sở "*tình làng, nghĩa xóm*", "*tối lửa, tắt đèn có nhau*", cùng nhau tự nguyện xóa bỏ những mâu thuẫn, bất đồng để đạt được sự thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, truyền thống, phong tục, tập quán và đạo đức xã hội... Như vậy, tùy vào từng vụ, việc cụ thể, hòa giải viên có thể lựa chọn phương pháp PBGDPL phù hợp với từng đối tượng.

Để thực hiện tốt phương pháp PBGDPL thông qua hoạt động hòa giải ở cơ sở, hòa giải viên cần thực hiện các bước sau đây:

Bước 1. Trực tiếp nắm rõ nội dung tranh chấp, nguyên nhân phát sinh tranh chấp và yêu cầu cụ thể của các bên tranh chấp, kết hợp việc phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Khi có mâu thuẫn, tranh chấp xảy ra, hòa giải viên cần có mặt kịp thời nắm rõ nội dung tranh chấp, tìm hiểu nguyên nhân phát sinh tranh chấp để thực hiện công tác hòa giải. Việc nắm rõ nguyên nhân phát sinh tranh chấp sẽ tạo điều kiện để hòa giải viên có phương pháp hòa giải đúng, vận dụng, viện dẫn các điều luật phù hợp với nội dung tranh chấp xảy ra đồng thời có căn cứ giải thích, hướng dẫn, thuyết phục các bên tranh chấp hiểu được hành vi của mình đúng hay sai, vi phạm pháp luật hay không vi phạm pháp luật... để các bên hiểu và tự giác điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội và phong tục tập quán tốt đẹp của địa phương.

Trong quá trình hòa giải, trường hợp các bên tranh chấp có yêu cầu về cung cấp, giới thiệu các văn bản pháp luật liên quan đến mâu thuẫn, tranh chấp của họ để họ nghiên cứu, xem xét, đối chiếu với vụ việc cụ thể thì hòa giải viên sẵn sàng giúp đỡ, hoặc hướng dẫn các bên tranh chấp hiểu đúng tinh thần của văn bản pháp luật. Nếu gặp những vấn đề khó, hòa giải viên cần hỏi ý kiến các chuyên gia, công chức zdg Tư pháp - Hộ tịch, trợ giúp viên pháp lý... đảm bảo sao cho các quy định pháp luật, quy phạm đạo đức vận dụng vào vụ việc tranh chấp là đúng, chính xác. Trong bước này, hòa giải viên có thể lồng ghép với việc PBGDPL cho các bên tranh chấp hiểu về quyền và nghĩa vụ của họ giúp họ hiểu đúng và tự giác thực hiện pháp luật.

Bước 2. Xác định tính chất của tranh chấp, lựa chọn văn bản có liên quan đến tranh chấp để vận dụng các quy định đó vào việc giải quyết tranh chấp.

Sau khi nắm rõ nội dung tranh chấp, hòa giải viên cần tìm hiểu xem quan hệ tranh chấp này được văn bản pháp luật nào điều chỉnh? Đây là một công việc khó, đòi hỏi hòa giải viên phải lựa chọn đúng điều luật để áp dụng vào vụ việc tranh chấp này. Nếu lựa chọn sai điều luật có thể dẫn đến việc PBGDPL không đúng và chắc chắn là việc hòa giải các bên tranh chấp không thành công. Vì thế, để lựa chọn các văn bản pháp luật phù hợp hòa giải viên phải căn cứ vào tính chất của tranh chấp.

- Đối với trường hợp mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên trong gia đình liên quan đến thừa kế, hòa giải viên phải xem xét các quy định của Bộ luật Dân sự liên quan đến thừa kế như quyền thừa kế của cá nhân, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người hưởng thừa kế; giá trị của di chúc, thủ tục lập di chúc, những quy định của thừa kế theo pháp luật... thông qua các quy định này hòa giải viên kết hợp với việc PBGDPL như nghĩa vụ tuân thủ pháp luật của các bên tranh chấp, ý thức chấp hành pháp luật của công dân.

- Đối với mâu thuẫn, tranh chấp giữa các cá nhân, các gia đình trong quan hệ xóm giềng, làng, bản liên quan đến sử dụng lối đi, điện, nước sinh hoạt... thì hòa

giải viên phải xem xét các quy định của Bộ luật Dân sự về tài sản và quyền sở hữu tài sản, về quyền sở hữu chung của cộng đồng; nghĩa vụ tôn trọng ranh giới giữa các bất động sản; quyền về tưới nước, tiêu nước trong canh tác... để giải thích, phân tích cho các bên tranh chấp hiểu về các quy định của pháp luật liên quan đến vụ việc mâu thuẫn, tranh chấp để họ hiểu và nắm được quy định pháp luật.

Ở bước này, khi đã rõ văn bản điều chỉnh cho các vụ mâu thuẫn, tranh chấp này, hòa giải viên tổ chức cho các bên tranh chấp gặp nhau để thảo luận, trao đổi giải quyết tranh chấp. Lúc này hòa giải viên có thể đối chiếu, phân tích các quy định của pháp luật về vấn đề mà các bên đang tranh chấp cần biết, cần hiểu để họ tự điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với pháp luật. Đây không phải là công việc dễ dàng bởi rất nhiều quy định trong văn bản pháp luật còn chung chung, khó hiểu hoặc hiểu theo nhiều cách khác nhau. Bởi vậy, hòa giải viên phải lưu ý các vấn đề sau:

+ Ưu tiên áp dụng quy định trong văn bản có giá trị pháp lý cao; trong trường hợp nếu không có quy định trong pháp luật thì vận dụng phong tục, tập quán tốt đẹp của địa phương để PBGDPL trong đồng bào dân tộc thiểu số;

+ Hoạt động hòa giải không phải là hoạt động "*phán xét*" hay "*xét xử*" của các cơ quan Nhà nước. Vì thế, người thực hiện công tác hòa giải cho đồng bào dân tộc thiểu số càng không được áp đặt ý chí hoặc can thiệp vào nội dung thỏa thuận của các bên. Sự thỏa thuận trong hòa giải là do các bên tự nguyện định đoạt trên cơ sở có sự giải thích đúng, sai và không nên giải thích pháp luật theo suy diễn chủ quan của mình.

Trong trường hợp gặp những quy định pháp luật khó hiểu, hoặc có nhiều cách hiểu khác nhau cần tham khảo ý kiến của các chuyên gia pháp luật (tư pháp, luật sư, trợ giúp viên pháp lý...) để được hướng dẫn, giải thích đúng và đầy đủ.

Bước 3. Hòa giải viên cần gặp gỡ từng bên tranh chấp để hòa giải kết hợp với việc giải thích pháp luật giúp họ nhận thức được các quyền và nghĩa vụ của mình.

Khi gặp gỡ từng bên tranh chấp, hòa giải viên phải lựa chọn thời điểm thích hợp để trao đổi, hướng dẫn thuyết phục các bên tranh chấp, việc lựa chọn thời điểm thích hợp có thể vào buổi tối, ngày nghỉ, ngày lễ... sẽ tạo tâm lý thoải mái giúp họ dễ tiếp thu ý kiến đóng góp và bình tĩnh phân tích sự việc hơn. Trong quá trình trao đổi, hòa giải viên phải kiên nhẫn lắng nghe ý kiến, hiểu tâm lý của các bên tranh chấp, cố gắng không dùng lời lẽ khó hiểu, thuật ngữ pháp lý chuyên ngành mà bằng lời giải thích pháp luật giản đơn, dễ hiểu, đi thẳng vào vấn đề, sau cùng dùng lời lẽ phân tích cho họ thấy các quy định của pháp luật liên quan đến tranh chấp, để mỗi bên tranh chấp nhận thức được cái đúng, cái sai của mình và đi đến phương án giải quyết phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội và phong tục, tập quán tốt đẹp của Nhân dân.

Trong trường hợp cần thiết hòa giải viên có thể cung cấp cho đối tượng những thông tin chính xác để xóa bỏ những quan điểm lệch lạc, sai trái, phiến diện, giúp đối tượng hiểu đúng, lựa chọn đưa ra những quyết định cụ thể, đúng đắn phù hợp với pháp luật. Trường hợp một trong hai bên tranh chấp có thái độ gay gắt,

nóng nảy, bất hợp tác, hòa giải viên phải bình tĩnh, lắng nghe (không ngắt lời, khó chịu, sốt ruột...), giữ thái độ bình tĩnh, đúng mực, tỏ ra thông cảm, quan tâm đến yêu cầu của đối tượng... đồng thời lựa chọn phương án xử lý linh hoạt, tiếp tục hòa giải hay để vào dịp khác nhằm giải tỏa không khí bức căng thẳng mà mục tiêu của hòa giải vẫn đạt được.

Trong trường hợp khi hòa giải viên nếu có những quy định pháp luật khó hiểu, hòa giải viên có thể đối chiếu, phân tích các quy định của pháp luật về các vấn đề đang tranh chấp, lấy ví dụ minh họa, liên hệ với những sự việc đã xảy ra ở địa phương mà các bên tranh chấp cũng biết rõ. Trên cơ sở các quy định của pháp luật, hòa giải viên có thể nêu các phương án giải quyết của mình để các bên tham khảo.

Bước 4. Tổ chức cho các bên tranh chấp gặp gỡ để thảo luận với nhau việc giải quyết tranh chấp.

Sau khi gặp gỡ từng bên, hiểu rõ tâm tư nguyện vọng của các bên về việc giải quyết tranh chấp, hòa giải viên tổ chức cho các bên gặp nhau để thỏa thuận, thống nhất phương án giải quyết tranh chấp.

Khi tiến hành hòa giải các bên tranh chấp, hòa giải viên cố gắng duy trì không khí hiểu biết, thái độ hợp tác của họ. Để tạo thuận lợi cho việc hòa giải, hòa giải viên có thể nêu từng vấn đề đang tranh chấp và đề nghị từng bên cho ý kiến giải quyết. Tùy điều kiện cụ thể, hòa giải viên có thể đối chiếu, phân tích các quy định của pháp luật về các vấn đề các bên đang tranh chấp để các bên hiểu và có thể áp dụng giải quyết tranh chấp. Trên cơ sở các quy định của pháp luật, hòa giải viên có thể nêu các phương án giải quyết của mình để các bên tham khảo. Khi các bên thống nhất được cách thức giải quyết tranh chấp, nếu cần thiết hòa giải viên có thể giúp các bên tranh chấp lập văn bản ghi nhận sự thỏa thuận của các bên làm cơ sở cho việc thi hành sau này.

Như vậy, trong khi tiến hành hòa giải các bên tranh chấp, hòa giải viên có rất nhiều cơ hội để lồng ghép việc PBGDPL, nhấn mạnh những quy định mấu chốt của pháp luật nếu các bên tranh chấp nghiêm chỉnh trong ứng xử của mình thì sẽ tránh được xung đột, tranh chấp lớn xảy ra. Đồng thời, qua đó các bên tranh chấp và những người có liên quan có thể được nâng cao hiểu biết pháp luật và ý thức tôn trọng pháp luật, từ đó hạn chế những vi phạm pháp luật và tội phạm xảy ra.

c. Một số chú ý khi tiến hành PBGDPL thông qua hoạt động hòa giải ở cơ sở

- Cần tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các cá nhân, tổ chức có liên quan đến vụ, việc hòa giải, đặc biệt là những người có vai trò quan trọng và uy tín cao trong gia đình, họ tộc, người có uy tín trong cộng đồng dân cư. Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số cần chú ý đến vai trò của già làng trong việc PBGDPL thông qua hoạt động hòa giải ở cơ sở;

- Khi vận dụng các phong tục, tập quán của từng địa phương vào việc PBGDPL qua hoạt động hòa giải ở cơ sở cần xem xét chúng có trái với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước hay không. Chỉ vận dụng

các phong tục, tập quán tốt đẹp, không trái với những quy định của Đảng và Nhà nước.

3. PBGDPL thông qua sinh hoạt văn hóa

a. Hiệu quả của việc lồng ghép PBGDPL thông qua sinh hoạt văn hóa

Mỗi dân tộc đều có một nền văn hóa mang bản sắc riêng từ lâu đời, phản ánh truyền thống, lịch sử và niềm tự hào dân tộc. Văn hóa dân tộc là tất cả những giá trị vật chất và tinh thần, bao gồm tiếng nói, chữ viết, văn học, nghệ thuật, kiến trúc, ẩm thực, trang phục, tâm lý, tình cảm, phong tục, tập quán, lễ nghi, tín ngưỡng, sinh hoạt cộng đồng, các hoạt động sản xuất... được sáng tạo trong quá trình phát triển lâu dài của lịch sử.

Trong một cộng đồng thì văn hóa cộng đồng được biểu hiện rõ nét qua các sinh hoạt văn hóa mang tính cộng đồng như lễ hội, sinh hoạt lễ nghi, tín ngưỡng, sinh hoạt văn hóa văn nghệ, giao lưu tình cảm... Dưới góc độ lựa chọn loại hình văn hóa phù hợp để lồng ghép PBGDPL thì các sinh hoạt văn hóa cộng đồng là hình thức thích hợp để chuyển tải chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến cán bộ, Nhân dân, do loại hình này rất đa dạng, phong phú mang những màu sắc kinh tế, văn hóa, xã hội, phong tục với những đặc điểm chung là tính cộng đồng, tính dân chủ, tính giáo dục, tính huyết thống... Đó là những điều kiện thuận lợi để lồng ghép PBGDPL. Riêng đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số thì hình thức này ngày càng phát huy tác dụng, thể hiện trên các mặt sau:

Thứ nhất, văn hóa với những đặc trưng và tính ưu việt của mình, có sức truyền cảm, thấm thấu rất sâu vào nhận thức, tâm tư, tình cảm con người. PBGDPL thông qua các sinh hoạt văn hóa có lợi thế là làm cho các nội dung pháp luật vốn thường "*khô cứng*" khi được kết hợp với các "*màu sắc*" linh hoạt, sinh động của văn hóa, được truyền tải thông qua "*ngôn ngữ*" văn hóa sẽ trở nên gần gũi, hấp dẫn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ lưu truyền hơn; giảm bớt cảm giác, ấn tượng bị áp đặt, bắt buộc của pháp luật, qua đó, người dân tiếp cận với pháp luật một cách thoải mái, tự nhiên nhất.

Thứ hai, sinh hoạt văn hóa truyền thống gắn liền với đời sống của mỗi cộng đồng dân cư, gần gũi với sinh hoạt của người dân, mọi người tự giác tham gia không kể lứa tuổi, giới tính, trình độ, tôn giáo, dân tộc. Do đó, lồng ghép PBGDPL qua sinh hoạt văn hóa truyền thống sẽ đưa pháp luật đến được với đông đảo Nhân dân. Mặt khác, việc lồng ghép PBGDPL qua sinh hoạt văn hóa truyền thống còn mang lại hiệu quả "*kép*" bởi vừa nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật trong Nhân dân, vừa góp phần giữ gìn, xóa bỏ những tập tục lạc hậu, xây dựng nếp sống mới trong các cộng đồng dân cư.

Thứ ba, sinh hoạt văn hóa rất đa dạng, phong phú, trong đó, sinh hoạt văn hóa truyền thống được Nhân dân tổ chức hàng năm, nơi nào cũng có, dân tộc nào cũng có nên việc lồng ghép PBGDPL có nhiều thuận lợi, từ việc lựa chọn loại hình thích hợp để lồng ghép đến việc sử dụng các điều kiện về nhân lực, phương tiện sẵn có để thực hiện.

b. Một số yêu cầu khi lồng ghép PBGDPL thông qua sinh hoạt văn hóa

+ *Xác định loại hình sinh hoạt văn hóa thích hợp có thể lồng ghép PBGDPL*

Sinh hoạt văn hóa rất đa dạng, phong phú. Đó có thể là các hoạt động biểu diễn văn hóa nghệ thuật như thơ, ca, múa, nhạc, kịch...; là các hoạt động lễ hội; các sinh hoạt lễ nghi, tín ngưỡng; các sinh hoạt mang tính giao lưu trong cộng đồng... Có một số yêu cầu cần lưu ý khi lựa chọn loại hình sinh hoạt văn hóa để lồng ghép PBGDPL:

- Loại hình sinh hoạt văn hóa đó phải gắn liền và phù hợp với đời sống của cộng đồng dân cư ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và mang những nét tiên bộ, tích cực;

- Phương thức biểu đạt của loại hình sinh hoạt văn hóa đó phải dễ lồng ghép hoặc truyền tải nội dung pháp luật;

- Sinh hoạt văn hóa đó có phạm vi tác động rộng, thu hút nhiều đối tượng tham gia; được tổ chức định kỳ, thường xuyên (như lễ hội, sinh hoạt cộng đồng của bà con ở thôn, làng);

- Việc lồng ghép PBGDPL qua sinh hoạt văn hóa đó phải không đòi hỏi nhiều về kinh phí, phù hợp với điều kiện còn khó khăn về nhiều mặt của vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

+ *Lựa chọn và biên soạn nội dung pháp luật phù hợp để lồng ghép thông qua sinh hoạt văn hóa*

Cần lựa chọn nội dung pháp luật có liên quan trực tiếp đến đời sống của cán bộ, Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó chú trọng quy định pháp luật thuộc các nhóm chủ đề sau: Pháp luật về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; pháp luật về đất đai, rừng, tài nguyên, khoáng sản, môi trường; pháp luật về hôn nhân và gia đình; các quy định về hộ tịch; một số quy định về dân sự, hình sự, hành chính liên quan trực tiếp đến người dân; quy định về các chính sách xã hội, giáo dục, chính sách hỗ trợ, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số; phòng, chống các tệ nạn xã hội, xóa bỏ hủ tục lạc hậu, phát huy tập quán tốt đẹp, xây dựng thôn, làng văn hóa; pháp luật về tôn giáo, dân tộc.

Để đưa nội dung pháp luật vào sinh hoạt văn hóa cần chú ý: (1) *Thứ nhất*, lựa chọn nội dung pháp luật phù hợp với sinh hoạt văn hóa đã xác định (ví dụ những tập tục, sinh hoạt liên quan đến cưới hỏi thì lồng ghép phổ biến quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình, các quy định về nếp sống mới; các nghi lễ cầu cúng nhân các dịp mùa màng, lễ hội của cộng đồng dân cư thì có thể lồng ghép phổ biến các quy định về bảo vệ rừng, tài nguyên, môi trường...); (2) *Thứ hai*, biên soạn nội dung pháp luật đưa vào sinh hoạt văn hóa. Không nên đưa nguyên si điều luật mà quy định pháp luật cần được biên soạn lại, chuyển từ cách diễn đạt của hành văn pháp luật thành cách biểu đạt nghệ thuật của văn hóa. Nói cách khác, việc lồng ghép PBGDPL vừa phải đảm bảo tính chính xác về mặt nội dung pháp luật, vừa phải đảm bảo tính nghệ thuật, thẩm mỹ, đặc thù của mỗi loại hình văn hóa đã lựa chọn, làm sao để pháp luật được đưa vào sinh hoạt văn hóa một cách nhuần nhuyễn, tránh khiên cưỡng, gượng ép, nặng tính giáo huấn.

+ Xác định phương thức PBGDPL thông qua sinh hoạt văn hóa

Thông thường có hai phương pháp PBGDPL thông qua sinh hoạt văn hóa, đó là, PBGDPL bằng các loại hình văn hóa nghệ thuật (bằng các tác phẩm, sản phẩm văn hóa có nội dung pháp luật) và phổ biến pháp luật trực tiếp (thông qua một số hình thức PBGDPL).

- PBGDPL bằng các loại hình văn hóa nghệ thuật:

Các loại hình văn hóa nghệ thuật rất đa dạng, phong phú. Chỉ nói riêng về văn hóa nghệ thuật dân gian truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số thì có thể nói đây là một kho tàng đồ sộ, bao gồm tục ngữ, thành ngữ, ca dao, câu đố, truyện cổ, sử thi... chứa đựng tri thức, tâm lý, tình cảm của cả cộng đồng. Các loại hình nghệ thuật như ca, múa, nhạc dân gian cũng rất đặc sắc, mang dấu ấn riêng của từng dân tộc.

Để PBGDPL bằng các loại hình văn hóa nghệ thuật thì cần phải có các tác phẩm, sản phẩm văn hóa có nội dung pháp luật, nghĩa là phải có các sáng tác về chủ đề pháp luật với nhiều thể loại như: Đặt lời mới cho các làn điệu dân ca; dựa trên chất liệu dân gian sáng tác ca khúc, tấu nói, hò khoan đối đáp, câu đố có nội dung pháp luật; sáng tác tiểu phẩm, câu chuyện pháp luật, kịch bản cho một buổi sinh hoạt văn hóa cộng đồng có lồng ghép nội dung pháp luật; sáng tác tranh, ảnh, pa nô, áp phích PBGDPL... Đối với đồng bào dân tộc thiểu số thì những điều răn, những câu nói vẫn luôn được sử dụng để răn dạy con cháu, để căn dặn nhau khi có việc vui, chuyện buồn, trong tết lễ, trong hiếu, hỷ..., vì thế nên soạn các quy định pháp luật thành những điều răn, những câu nói vẫn (ví dụ soạn thành những lời căn dặn con cháu cho ông bà, cha mẹ; soạn thành lời dặn dò hoặc câu đố cho lứa tuổi thanh niên). Bên cạnh các sáng tác dựa trên chất liệu truyền thống thì cũng cần chú ý có những sáng tác mang âm hưởng hiện đại, gắn với nhịp sống văn hóa thời đại, như vậy mới phù hợp và đáp ứng nhu cầu tinh thần đa dạng trong xã hội hiện nay. Những tác phẩm, sản phẩm văn hóa này nếu được đưa vào sinh hoạt văn hóa một cách hợp lý sẽ đem lại hiệu quả PBGDPL cao.

- Phổ biến pháp luật trực tiếp:

Phương thức này được thực hiện bằng cách trực tiếp PBGDPL tại sinh hoạt văn hóa thông qua một số hình thức PBGDPL, như: Phổ biến pháp luật trực tiếp, trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh cơ sở hoặc qua việc cấp phát tài liệu pháp luật... Khi sử dụng phương thức này cần lưu ý nội dung pháp luật phổ biến pháp ngắn gọn, dễ hiểu, cụ thể, vì tuy là phương thức phổ biến pháp luật trực tiếp nhưng do được thực hiện thông qua sinh hoạt văn hóa nên phải phù hợp với tính chất, đặc thù cũng như không thể chiếm nhiều thời lượng của sinh hoạt văn hóa đó.

4. PBGDPL thông qua mạng lưới truyền thanh cơ sở

a. Một số vấn đề chung

Hình thức PBGDPL qua mạng lưới truyền thanh cơ sở có đối tượng tác động được xác định cụ thể trong phạm vi một xã, phường, thị trấn hay một tổ dân phố,

thôn, làng. So với các hình thức PBGDPL khác, hình thức PBGDPL thông qua mạng lưới truyền thanh cơ sở có những lợi thế sau:

- Có khả năng truyền tin nhanh, kịp thời;
- Gần gũi, thân thiết với người dân ở cơ sở: Bởi những nội dung pháp luật được phát thanh trên mạng lưới truyền thanh cơ sở là những quy định pháp luật liên quan thiết thực đến đời sống hàng ngày của người dân cơ sở, những sự việc, những con người được phản ánh trong thực tiễn thi hành pháp luật là những sự việc, những con người có thật tại địa phương, những băn khoăn, thắc mắc của người dân cơ sở về chính sách, pháp luật được giải đáp kịp thời...;
- Hoàn toàn chủ động về thời gian: Có thể lựa chọn thời gian phát thanh một cách phù hợp với thực tế tập quán sinh hoạt, lao động sản xuất của người dân ở địa phương để buổi phát thanh có tác dụng cao;
- Chủ động trong việc lựa chọn nội dung: Có thể chủ động lựa chọn nội dung cho các buổi phát thanh phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương và mong muốn tìm hiểu pháp luật của người dân;
- Có khả năng tác động tới nhiều đối tượng trong cùng một thời gian, phạm vi tác động: PBGDPL qua hệ thống truyền thanh cơ sở có số lượng người nghe đông đảo, việc chọn thời gian phát thanh phù hợp cũng làm tăng đáng kể số lượng người nghe, phạm vi có thể là một thôn, tổ dân phố hoặc một xã, phường;
- Có thể thực hiện phát thanh được nhiều lần;
- Tiết kiệm được thời gian, công sức và tiền của vì không phải tập trung dân tại một điểm để phổ biến pháp luật.

b. Các công việc cần tiến hành để thực hiện chương trình phát thanh pháp luật trên mạng lưới truyền thanh cơ sở

+ *Xây dựng kế hoạch phát thanh*: Xây dựng kế hoạch phát thanh là việc làm không thể thiếu được để đảm bảo cho việc PBGDPL qua mạng lưới truyền thanh cơ sở. Kế hoạch phát thanh có những nội dung chủ yếu:

- Xác định nội dung phát thanh: Nội dung phát thanh PBGDPL qua mạng lưới truyền thanh cơ sở thường bao gồm những nội dung:

Giới thiệu đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương, trong đó chú trọng những văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến đời sống của người dân ở địa phương, như: Luật Đất đai năm 2013, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Bộ luật Dân sự năm 2015..., những văn bản mới được ban hành, những quy định của chính quyền địa phương liên quan thiết thực tới người dân;

Phản ánh thực tiễn thi hành, chấp hành pháp luật ở địa phương, nêu gương người tốt, việc tốt trong thực hiện, chấp hành pháp luật, đồng thời phê phán những cá nhân, hộ gia đình có hành vi vi phạm hương ước, quy ước, nếp sống văn hóa, vi phạm pháp luật trên địa bàn cơ sở;

Giải đáp pháp luật: Giải đáp những thắc mắc, băn khoăn, những kiến nghị của người dân địa phương liên quan đến những quy định pháp luật, đến tình hình thực thi và chấp hành pháp luật ở cơ sở...

- Xác định hình thức thể hiện: Để truyền tải nội dung của chương trình phát thanh cần xác định hình thức thể hiện phù hợp, sinh động, có thể lựa chọn các hình thức, như: Tóm tắt nội dung văn bản quy phạm pháp luật, trích đọc một số quy định pháp luật liên quan thiết thực đến người dân cơ sở, tin, bài, hỏi - đáp pháp luật, tiểu phẩm, thơ ca, hò vè, hát, câu chuyện truyền thanh...

- Xác định thời lượng phát thanh: Thời lượng phát thanh phổ biến về pháp luật cần phải được xác định phù hợp với đặc điểm về điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ dân trí ở từng địa bàn đảm bảo vừa phải với nhu cầu tiếp nhận của Nhân dân địa phương, đồng thời đảm bảo hài hòa với các chương trình phát thanh về văn hóa, xã hội, y tế, dân số, sức khỏe - sinh sản... Qua thực tiễn cho thấy, loại hình này có hiệu quả cao đối với địa bàn nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số - nơi mà điều kiện thông tin còn nhiều hạn chế. Vì vậy, đối với những địa bàn này, cần tăng thời lượng phát thanh PBGDPL trên mạng lưới truyền thanh cơ sở.

- Thời gian phát thanh: Thời gian phát thanh được bố trí phù hợp với tập quán sinh hoạt, lao động sản xuất của người dân địa phương, nhằm thu hút đông đảo người nghe, phát huy cao nhất hiệu quả tác động của chương trình. Ví dụ: Đồng bào dân tộc thiểu số thường đi làm nương rẫy cả ngày, nên thời gian phát thanh cần phải bố trí vào buổi sáng sớm (khoảng từ 5h30 đến 6h30) hoặc buổi chiều tối (từ 17h30 đến 18h30).

- Cách thức phát thanh: Tùy thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh của địa phương mà xác định cách thức phát thanh phù hợp, hoặc phát thanh qua hệ thống loa cố định hoặc tổ chức phát thanh lưu động.

- Phân công tổ chức thực hiện kế hoạch phát thanh:

Công chức Văn hóa - Xã hội chịu trách nhiệm thực hiện chương trình, đảm trách về kỹ thuật phát thanh;

Công chức Tư pháp - Hộ tịch chịu trách nhiệm về nội dung pháp lý của chương trình, cung cấp tài liệu, văn bản để chuẩn bị nội dung chương trình;

Phát thanh viên: Bảo đảm các yêu cầu, như: Không nói ngọng, không nói lắp, giọng đọc rõ ràng, truyền cảm. Đối với các chương trình phát thanh bằng tiếng dân tộc thì phát thanh viên phải thông thạo tiếng dân tộc, nên chọn những người dân tộc thiểu số làm phát thanh viên cho chương trình phát thanh bằng tiếng dân tộc;

Người dịch tin sang tiếng dân tộc: Đối với những nơi có đồng bào dân tộc thiểu số, khi xây dựng các chương trình phát thanh PBGDPL bằng tiếng dân tộc, cần bố trí người (hoặc thành lập một nhóm, một tổ) dịch sang tiếng dân tộc. Cần sử dụng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số để thực hiện công việc này.

+ Chuẩn bị chương trình phát thanh: Bao gồm các công việc sau: Biên soạn nội dung chương trình (viết tin, bài, kịch bản truyền thanh...) cho chương trình;

biên tập nội dung chương trình; chuẩn bị các điều kiện kỹ thuật phát thanh; duyệt chương trình trước khi phát thanh chính thức.

+ *Thực hiện chương trình phát thanh*: Chương trình phát thanh PBGDPL khi được thực hiện cần đảm bảo các yêu cầu sau: Nội dung pháp luật thiết thực, đáp ứng nhu cầu của người dân ở cơ sở, được biên soạn ngắn gọn, xúc tích, dễ nhớ, dễ hiểu; cách thể hiện phong phú, hấp dẫn, truyền cảm với nhiều thể loại khác nhau (tin, bài, câu chuyện, tiểu phẩm...); giọng đọc của phát thanh viên rõ ràng, truyền cảm; chất lượng âm thanh tốt, âm lượng vừa đủ; bố trí thời gian, thời lượng phát sóng chương trình phù hợp.

Lưu ý: Trong quá trình chuẩn bị nội dung cho chương trình phát thanh PBGDPL qua mạng lưới truyền thanh cơ sở có thể khai thác tài liệu pháp luật từ các nguồn, như: Tủ sách pháp luật xã, phường, thị trấn; những tài liệu pháp luật (như Đề cương phổ biến văn bản pháp luật, sách hỏi - đáp pháp luật, tờ gấp phổ biến pháp luật, băng cát sét...) do các cơ quan tư pháp cấp trên cung cấp.

5. Biên soạn tài liệu phổ biến pháp luật

Tài liệu phổ biến pháp luật đóng vai trò quan trọng trong hoạt động PBGDPL. Tài liệu phổ biến pháp luật vừa là cảm nang, vừa là phương tiện, công cụ hoạt động của những người làm công tác PBGDPL, là cầu nối đưa pháp luật đến với người dân.

Tài liệu phổ biến pháp luật gồm nhiều loại, như: Đề cương phổ biến văn bản pháp luật; sách pháp luật (sách nghiên cứu, bình luận, hướng dẫn, giải thích pháp luật; sách giáo khoa, sách tham khảo; sách pháp luật phổ thông; sách hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật...); tờ gấp; bản tin pháp luật; pa nô, áp phích phổ biến pháp luật; băng tiếng, băng hình phổ biến pháp luật và các tài liệu pháp luật khác; trong đó, phổ biến nhất tại cấp xã, vùng đồng bào dân tộc thiểu số là đề cương phổ biến văn bản pháp luật và tài liệu hỏi - đáp pháp luật.

a. Kỹ năng biên soạn đề cương phổ biến văn bản pháp luật

Đề cương phổ biến văn bản pháp luật là tài liệu dùng để phổ biến, giải thích, hướng dẫn một văn bản pháp luật, một nội dung pháp luật hoặc một vấn đề pháp lý. Người sử dụng có thể dựa vào đề cương để nghiên cứu nội dung văn bản, các trọng tâm cần tập trung phổ biến hoặc để biên soạn các tài liệu phổ biến pháp luật khác một cách cụ thể, sát, phù hợp với bối cảnh, đối tượng nhưng vẫn bảo đảm cho đối tượng hiểu chính xác nội dung văn bản và thực hiện thống nhất. Mặt khác, đề cương còn có nhiệm vụ hướng dẫn, chỉ đạo việc tổ chức triển khai phổ biến văn bản pháp luật phù hợp với từng loại đối tượng, trên từng địa bàn.

Việc xây dựng đề cương cần phải bảo đảm các yêu cầu về hình thức, nội dung. Về hình thức, bố cục đề cương phải rõ ràng, chặt chẽ, hợp lý. Ngôn ngữ được sử dụng trong đề cương phải là ngôn ngữ đại chúng, cách hành văn giản dị, trong sáng, dễ hiểu. Diễn đạt mạch lạc, súc tích, ngắn gọn. Độ dài của đề cương tùy thuộc vào nội dung vấn đề cần phổ biến. Về nội dung, đề cương phải tạo điều kiện cho người sử dụng hiểu đúng mục đích, ý nghĩa của văn bản pháp luật, của các quy phạm pháp luật, hiểu chính xác quy định của pháp luật, nắm được các ý

chính, trọng tâm của vấn đề, cách vận dụng quy định pháp luật trong các quan hệ xã hội.

+ *Bố cục của đề cương*: Đề cương thường gồm 03 phần:

- *Phần I. Những vấn đề chung*: Nêu ý nghĩa, sự cần thiết ban hành văn bản pháp luật. Cơ sở pháp lý của văn bản pháp luật. Ý nghĩa, vị trí, vai trò của văn bản trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội; mối quan hệ của văn bản với các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan. Quan điểm và nguyên tắc chỉ đạo việc xây dựng văn bản, tư tưởng chủ đạo và yêu cầu của công tác quản lý nhà nước, quản lý xã hội trong đời sống hàng ngày. Ngoài ra, có thể thông tin thêm về quá trình soạn thảo văn bản.

- *Phần II. Nội dung chủ yếu của văn bản*: Bố cục văn bản về số chương, điều trong văn bản, tên các chương, số điều trong chương để người sử dụng có thể hình dung khái quát nội dung văn bản. Nội dung chủ yếu của văn bản: Đối tượng điều chỉnh, phạm vi điều chỉnh của văn bản; những nguyên tắc chung quy định trong văn bản; những vấn đề được đề cập trong nội dung văn bản; những điểm mới trong văn bản so với pháp luật hiện hành, những điểm sửa đổi, bổ sung, lý do sửa đổi, bổ sung, ý nghĩa của việc sửa đổi, bổ sung, khi cần thiết có thể nêu một số ý kiến còn tranh luận, những vấn đề đang tồn tại; quyền, nghĩa vụ của các chủ thể và những người có liên quan; các quy định và thủ tục phải thực hiện; vị trí của văn bản trong hệ thống pháp luật hiện hành, các văn bản sẽ ban hành kèm theo. Trong điều kiện có thể, đề cương nên có các tài liệu tham khảo kèm theo bao gồm các số liệu, các trích dẫn để khẳng định, chứng minh, so sánh, mở rộng những vấn đề đã nêu trong đề cương.

- *Phần III. Hướng dẫn thực hiện*: Để hướng dẫn người dân hiểu và thực hiện các quy định pháp luật nêu trong văn bản, ở phần này cần nhắc lại và nhấn mạnh một số nội dung liên quan trực tiếp đến người dân, cụ thể: Các quy định về quyền, nghĩa vụ của công dân theo văn bản pháp luật; các quy định về trình tự, thủ tục thực hiện các quyền, nghĩa vụ đó; các nội dung cần công khai với Nhân dân; các quy định về nghĩa vụ, trách nhiệm của cán bộ, công chức nhà nước trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của công dân theo văn bản. Trong điều kiện có thể, phần này nên có các tình huống hoặc ví dụ cụ thể.

+ *Các bước cần thiết để viết đề cương*

- *Bước 1. Nghiên cứu văn bản cần phổ biến nhằm*: Nắm bắt được tinh thần, nội dung chủ yếu và ý nghĩa của văn bản; nắm được tư tưởng chủ đạo và các nguyên tắc chi phối quá trình soạn thảo văn bản; nắm vững đối tượng điều chỉnh, phạm vi điều chỉnh của văn bản, nhất là những đối tượng đặc biệt có các quy phạm điều chỉnh riêng trong văn bản như trẻ em, phụ nữ...; xác định các tiêu chí trọng tâm cần tập trung phổ biến giúp cho đối tượng dễ khai thác, sử dụng.

- *Bước 2. Thu thập, nghiên cứu kỹ các tài liệu có liên quan trong quá trình xây dựng văn bản*, như: Tờ trình về việc ban hành văn bản, tổng hợp ý kiến đóng góp cho dự thảo văn bản, các văn kiện của Đảng, chính sách của Nhà nước, các tài liệu trong nước và nước ngoài về những vấn đề liên quan đến nội dung văn bản để

nắm được xuất xứ của văn bản, văn bản gốc và yêu cầu thực tế khách quan liên quan đến những nội dung cần sửa đổi, bổ sung. Trong trường hợp cấp xã không đủ các tài liệu liên quan đến văn bản cần xây dựng đề cương thì có thể dựa vào đề cương của các cơ quan chức năng cấp trên và văn bản pháp luật gốc để xây dựng đề cương phù hợp với đối tượng và địa bàn mình.

- *Bước 3.* Nghiên cứu tình hình thực tế, nhất là tình hình ở địa phương có liên quan đến lĩnh vực đề cập trong văn bản để có thông tin, số liệu thực tế phục vụ việc biên soạn đề cương.

- *Bước 4.* Biên soạn đề cương: Xây dựng dự thảo khung đề cương chi tiết. Sau khi hoàn chỉnh dự thảo khung đề cương, dựa trên cơ sở khung đề cương và các tài liệu đã được nghiên cứu để biên soạn đề cương hoàn chỉnh.

- *Bước 5.* Biên tập đề cương: Để tránh các sai sót đáng tiếc có thể xảy ra trong quá trình biên soạn, sau khi biên soạn, đề cương cần được biên tập, chỉnh lý. Khi biên tập, chỉnh lý phải đọc kỹ toàn bộ đề cương để kiểm tra tính chính xác về nội dung văn bản, cách hành văn, ngôn ngữ sử dụng trong đề cương, kiểm tra các lỗi câu, lỗi chính tả...

b. Kỹ năng biên soạn tài liệu hỏi - đáp pháp luật

+ Yêu cầu chung

- Về nội dung, phải là những vấn đề pháp luật gắn liền với đời sống hàng ngày của người dân, được người dân quan tâm; các vấn đề pháp luật được nêu ra phải đầy đủ, chính xác, dễ hiểu, dễ nhớ và dễ thực hiện.

- Về hình thức, các câu hỏi - đáp đặt ra phải ngắn gọn, rõ ràng, đảm bảo tính chính xác của quy định pháp luật; chỉ hỏi một vấn đề, một vụ việc hoặc một lĩnh vực nhất định để tránh trường hợp câu trả lời quá dài dòng gây rối, khó hiểu cho người nghe.

+ Các bước cần thiết khi biên soạn

- *Bước 1.* Lựa chọn nội dung pháp luật: Việc lựa chọn nội dung pháp luật để đưa vào tài liệu dựa trên: Tình hình thực hiện (hoặc vi phạm pháp luật ở địa phương); mục tiêu, yêu cầu của công tác PBGDPL trong từng thời kỳ, từng giai đoạn; xác định đối tượng cần tập trung phổ biến.

- *Bước 2.* Suu tầm, tập hợp các văn bản có liên quan: Căn cứ vào nội dung pháp luật đã chọn, người biên soạn suu tầm, tập hợp các văn bản có liên quan, như: Văn bản luật, các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành... Khi suu tầm văn bản cần chú ý kiểm tra hiệu lực của văn bản để tránh sử dụng các văn bản đã hết hiệu lực. Việc hủy bỏ một văn bản quy phạm pháp luật hoặc một số điều khoản của văn bản thường được quy định trong văn bản ban hành sau nó hoặc trong một quyết định độc lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Có thể sử dụng nguồn Công báo hoặc truy cập vào các trang thông tin pháp luật, cơ sở dữ liệu pháp luật hoặc tham vấn chuyên gia pháp luật để tìm hiểu về hiệu lực của văn bản.

- *Bước 3.* Biên soạn tài liệu: Kỹ năng biên soạn tài liệu hỏi - đáp pháp luật chủ yếu dựa trên phương pháp đặt câu hỏi và cách trả lời câu hỏi. Có các dạng câu

hỏi sau: (1) Câu hỏi trực tiếp: Hỏi trực tiếp vào nội dung vấn đề. Đối với câu hỏi trực tiếp, câu trả lời thường gồm 02 phần: trả lời trực tiếp vấn đề hỏi sau đó đưa ví dụ minh họa; (2) Câu hỏi gián tiếp: Được xây dựng thông qua một tình huống giả định hoặc dựa trên một sự việc xảy ra trên thực tế để đặt câu hỏi. Đối với loại câu hỏi này, có thể trả lời trực tiếp vào tình huống câu hỏi đặt ra sau đó viện dẫn các quy định pháp luật liên quan hoặc đảo lại là đưa ra các quy định pháp luật liên quan đến tình huống rồi dựa trên các quy định đó trả lời cho tình huống được hỏi.

- *Bước 4. Biên tập, chỉnh lý tài liệu:* Khi biên tập, chỉnh lý phải đọc kỹ lại toàn bộ phần đã viết để kiểm tra tính chính xác về nội dung các quy định, kiểm tra các lỗi câu, lỗi chính tả./.

Chuyên đề 2: **GIỚI THIỆU LUẬT PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH NĂM 2022**

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH NĂM 2022

Luật Phòng, chống bạo lực gia đình được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2008 (*sau đây gọi tắt là Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007*). Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 được ban hành đã thể hiện quyết tâm của Đảng và Nhà nước ta trong việc giải quyết vấn nạn bạo lực gia đình, hướng tới xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, bình đẳng, hạnh phúc cũng như sự nghiêm túc, chủ động của Việt Nam trong việc thực hiện các điều ước và cam kết quốc tế đã tham gia.

Sau gần 15 năm thực hiện, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 đã tạo chuyển biến tích cực về nhận thức trong phòng, chống bạo lực gia đình, góp phần bảo vệ người bị bạo lực gia đình, xử lý các hành vi bạo lực gia đình, vi phạm pháp luật trong phòng, chống bạo lực gia đình, nâng cao bình đẳng giới trong gia đình. Các cấp ủy, tổ chức Đảng và lãnh đạo chính quyền các cấp đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các giải pháp phòng, chống bạo lực gia đình. Nhiều địa phương tổ chức triển khai các mô hình phòng, chống bạo lực gia đình sáng tạo, năng động, phát huy hiệu quả tốt cũng như huy động nguồn lực xã hội tham gia công tác phòng, chống bạo lực gia đình.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, bạo lực gia đình vẫn còn là một vấn đề nhức nhối, nan giải ở Việt Nam. Nhiều vụ việc xuất hiện những hành vi bạo lực gia đình có mức độ gây hại nghiêm trọng, diễn biến phức tạp, tinh vi, khó lường và khó xử lý bằng các quy định pháp luật hiện hành. Dữ liệu thống kê, nghiên cứu về bạo lực gia đình do các cơ quan, tổ chức thực hiện cho thấy những bức tranh hết sức phức tạp, thậm chí còn mâu thuẫn với nhau. Theo số liệu thống kê của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp từ báo cáo của các tỉnh thành, trong **giai đoạn 2009 - 2021**, tổng số vụ bạo lực gia đình các địa phương đã phát hiện trên cả nước là **324.641 vụ**. Trong giai đoạn này, số vụ bạo lực gia đình giảm dần qua các năm: năm 2009 là **53.206 vụ**, giảm xuống còn **19.274 vụ** trong năm 2015 và **4.967 vụ** trong năm 2021. Trong khi đó, Điều tra quốc gia bạo lực với phụ nữ được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Thống kê, Quỹ Dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam thực hiện năm 2019, công bố năm 2020 cho thấy, năm 2019, có **31,6%** phụ nữ phải chịu ít nhất một hình thức bạo lực trong 12 tháng (kể từ lúc điều tra), cứ 3 phụ nữ thì có gần 1 người (**32%**) bị chồng bạo lực thể xác/hoặc bạo lực tình dục. Đáng chú ý, có **90,4%** phụ nữ bị chồng bạo lực thể xác và/hoặc tình dục không tìm kiếm sự giúp đỡ, chỉ có **4,8%** tìm kiếm sự giúp đỡ của công an. Kết quả điều tra này cho thấy năm 2019, bạo lực gia đình với phụ nữ gây thiệt hại **1,8% GDP** (tăng 0,2% so với năm 2012). So với số liệu của cuộc Điều tra được thực hiện năm 2009 thì số vụ bạo lực gia đình ở Việt Nam còn tăng lên.

Nghiên cứu về bạo lực gia đình do Viện Nghiên cứu gia đình và Giới thực hiện năm 2019 chỉ ra rằng **69%** trẻ em cho biết đã từng bị bố mẹ xử phạt bằng bất

kỳ hình thức nào như đánh, đấm, đập, tát... và **31,6%** cha mẹ thừa nhận họ đã xử phạt con bằng hình thức bạo lực. Đáng chú ý, trẻ em cũng là nhóm xã hội có nguy cơ cao bị xâm hại tình dục trong gia đình, theo đó trong số trẻ bị xâm hại tình dục có tới **21,3%** bị chính người thân trong gia đình xâm hại. Cũng theo nghiên cứu này, bạo lực gia đình với người cao tuổi diễn ra khá phổ biến ở nhiều địa phương. Các hành vi bạo lực với người cao tuổi như “bỏ mặc không quan tâm về tình cảm” chiếm **10,2%**, “không quan tâm, chăm sóc ăn uống, thuốc men” chiếm **8,5%** bên cạnh các hành vi khác như bị ép buộc lao động, bị tranh giành tài sản thừa kế, bị đập phá tài sản, tịch thu tiền, bị coi thường, sỉ nhục, quát mắng, dọa nạt.

Bạo lực gia đình cũng được xem là một trong những tác nhân chính làm tan vỡ hôn nhân, hạnh phúc gia đình. Từ ngày 01/7/2008 đến ngày 31/7/2018, Tòa án nhân dân các cấp đã thụ lý theo thủ tục sơ thẩm **1.422.067** vụ án ly hôn, giải quyết **1.384.660** vụ, đạt tỷ lệ **97,4%**, còn lại **37.407** vụ đang trong quá trình giải quyết. Trong số **1.384.660** vụ án ly hôn Tòa án đã giải quyết, có **1.060.767** vụ xuất phát từ nguyên nhân bạo lực gia đình như: bị đánh đập, ngược đãi; vợ hoặc chồng nghiện ma túy, rượu chè, cờ bạc; ngoại tình (chiếm **76,6%** các vụ án ly hôn). Báo cáo của ngành Tư pháp cho thấy chỉ riêng năm 2014 tiếp nhận hòa giải **31.528** vụ việc bạo lực gia đình, năm 2015 là **33.966** vụ.

Vấn nạn bạo lực gia đình có xu hướng trầm trọng hơn, đa dạng hơn, phức tạp hơn đã và đang để lại những hậu quả thương tâm, đau xót cho nhiều gia đình, tạo ra những thiệt hại to lớn cho toàn xã hội. Nếu không được giải quyết kịp thời, bạo lực gia đình sẽ đe dọa đến sự phát triển bền vững của gia đình, làm xói mòn các giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc, làm suy yếu động lực phát triển và là rào cản đối với tiến trình phát triển bền vững của đất nước.

Một trong những nguyên nhân cơ bản của tình trạng nêu trên là do các quy định, chính sách trong Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 còn tồn tại nhiều bất cập, không phù hợp với thực tiễn phát triển của xã hội Việt Nam giai đoạn hiện nay. Quá trình thi hành Luật cũng xuất hiện nhiều hạn chế, đặc biệt là vấn đề trách nhiệm và công tác phối hợp liên ngành trong phòng, chống bạo lực gia đình. Điều này một phần xuất phát từ công tác tổ chức, triển khai thực hiện của các địa phương, song cũng do Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 còn thiếu các nội dung, chính sách, quy định phù hợp. Bên cạnh đó, nhiều chủ trương, chính sách quan trọng của Đảng và Nhà nước được ban hành trong thời gian qua cũng cần phải được cụ thể hóa trong Luật.

Từ những lý do nêu trên cho thấy Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 cần được sửa đổi, bổ sung. Cụ thể như sau:

1. Thể chế hóa quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước

Nghị quyết Đại hội Đảng XII quy định: *Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Xây dựng môi trường văn hóa, đời sống văn hóa lành mạnh trong hệ thống chính trị, trong mỗi địa phương, trong từng cộng đồng, làng, bản, khu phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, khu công nghiệp và mỗi gia đình,*

góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách, đạo đức, lối sống. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc.

Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc khóa XIII cũng đề ra các quan điểm, chủ trương, giải pháp cụ thể cho việc *thực hiện các biện pháp phát triển gia đình hạnh phúc, bền vững và thực hiện phòng, chống bạo lực gia đình toàn diện, khả thi, có hiệu quả.*

Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, tiếp tục xác định *gia đình là yếu tố quyết định trong tiến trình xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện. Gia đình là môi trường đầu tiên và quan trọng nhất để hình thành, nuôi dưỡng nhân cách, giáo dục đạo đức, lối sống văn minh và trao truyền các giá trị văn hóa tốt đẹp.*

Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới đã chỉ ra một trong những thách thức hiện nay là *“chưa xử lý triệt để tình trạng bạo lực gia đình, buôn bán phụ nữ, xâm hại tình dục, sử dụng lao động trẻ em; ...”*.

Hiến pháp năm 2013 đã có nhiều quy định quan trọng về xây dựng và phát triển gia đình như: *“Nhà nước, xã hội tạo môi trường xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; xây dựng con người Việt Nam có sức khỏe, văn hóa, giàu lòng yêu nước, có tinh thần đoàn kết, ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân”*. Cụ thể hóa Hiến pháp, Quốc hội đã ban hành các văn bản luật để bảo vệ quyền và lợi ích của công dân như: Bộ luật Hình sự năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2017, Bộ luật Dân sự năm 2015, Bộ luật Lao động năm 2019; Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật Trẻ em năm 2016; Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020; Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 và một số luật khác có liên quan.

2. Giải quyết những bất cập trong thực tiễn thi hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007.

a) Về công tác phòng ngừa, ngăn chặn, hỗ trợ, bảo vệ trong phòng, chống bạo lực gia đình.

- Những bất cập của thuật ngữ, khái niệm:

+ Trong Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007, một số khái niệm chưa được làm rõ, dẫn đến những cách hiểu khác nhau trong quá trình tổ chức thực hiện. Đơn cử, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 quy định: *“Bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình”*. Định nghĩa này chưa đề cập rõ vấn đề bạo lực tình dục. Hành vi bạo lực tình dục đã diễn ra ở nhiều khu vực, xuất hiện trong các tầng lớp xã hội tại Việt

Nam trong nhiều năm qua¹. Luật về phòng, chống bạo lực gia đình của nhiều quốc gia trên thế giới hiện nay đều xác định bạo lực tình dục là một trong các dạng thức của bạo lực gia đình. Xã hội Việt Nam hiện nay đã xuất hiện một số dạng thức bạo lực gia đình mới mà Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 chưa xác định, đề cập. Việc nhận diện chưa đầy đủ về hành vi bạo lực gia đình khiến nhận thức về bạo lực gia đình ở các cấp, các ngành và người dân khác nhau. Từ đó dẫn đến những bất cập trong việc triển khai các biện pháp phòng, chống bạo lực gia đình và thu thập thông tin về bạo lực gia đình.

+ Bên cạnh đó, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 không có điều khoản riêng quy định về giải thích từ ngữ, do đó còn thiếu một số khái niệm quan trọng, một số khái niệm chưa được giải thích rõ như: *bạo lực trên cơ sở giới, căm tức tiếp xúc, phát tán thông tin đời tư về người bị bạo lực gia đình*², *người có nguy cơ cao gây bạo lực gia đình*. Trong khi đó đa số các Luật của Việt Nam hiện nay đều có điều khoản riêng quy định về giải thích từ ngữ trong luật³.

- Những bất cập của các quy định về phòng ngừa bạo lực gia đình:

+ Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 xác định rõ nguyên tắc lấy phòng để chống nhưng biện pháp phòng ngừa trong Luật chưa chủ động, không bảo đảm tính liên tục. Việc phòng, chống bạo lực gia đình cần thực hiện trước khi xảy ra, khi đang xảy ra và khi kết thúc. Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn hiệu quả không chỉ dừng hành vi bạo lực tức thời mà còn ngăn việc hành vi bạo lực gây ra những hậu quả nghiêm trọng. Với vụ việc bạo lực gia đình đã kết thúc, ngoài xử lý hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật thì cũng cần có những biện pháp hỗ trợ để giúp người có hành vi bạo lực gia đình chuyển đổi hành vi bạo lực, nói cách khác là phòng ngừa vòng xoáy bạo lực gia đình tái diễn. Nhưng những quy định về phòng ngừa trong Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 chưa thể hiện được điều này.

+ Bạo lực gia đình có nguyên nhân sâu xa từ bất bình đẳng giới trong gia đình. Các yếu tố lạm dụng rượu, bia và xử lý hành vi vi phạm không nghiêm minh là những nguyên nhân trực tiếp dẫn đến các vụ bạo lực gia đình ngày càng gia tăng về số lượng, mức độ nghiêm trọng hơn và nhiều vụ việc không được xử lý thích đáng, hoặc bị lãng quên, bỏ mặc đằng sau cánh cửa gia đình. Việc hỗ trợ, giúp đỡ người có hành vi bạo lực gia đình sau khi bị xử lý theo quy định của pháp luật để họ không tái diễn cũng là một biện pháp phòng ngừa bền vững song chưa được quy định trong Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007.

- Những bất cập của các quy định về hoà giải:

+ Hoà giải là biện pháp phòng ngừa bạo lực gia đình và phòng ngừa tái diễn bạo lực gia đình, không thay thế các biện pháp xử lý vụ việc bạo lực gia đình.

¹ Kết quả Điều tra quốc gia về Bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019 cho thấy 13,3% phụ nữ ở Việt Nam đã từng bị chồng/bạn tình bạo lực tình dục trong đời và 5,7% phụ nữ cho biết bạo lực này trong 12 tháng qua.

² Ví dụ Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012, Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 đều có Điều 2 Giải thích từ ngữ; Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì vấn đề này được quy định ở Điều 3.

³ Ví dụ Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012, Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 đều có Điều 2 Giải thích từ ngữ; Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì vấn đề này được quy định ở Điều 3.

Trong 15 năm thực hiện Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 cho thấy công tác hòa giải trong phòng, chống bạo lực gia đình cũng chưa phát huy được hiệu quả. Khi nào thì phải xử lý một tình huống bằng hòa giải và khi nào thì cần các biện pháp khác chưa được quy định rõ trong Luật. Trong thực tiễn, việc hòa giải đôi khi còn dẫn đến tình trạng “**bạo lực kép**” do người thực hiện hòa giải thiếu những kiến thức, kỹ năng về phòng, chống bạo lực gia đình, về giới và về quyền con người. Việc hòa giải được coi như biện pháp xử lý vụ việc bạo lực gia đình đã dẫn đến tình trạng bạo lực gia đình kéo dài năm này qua năm khác. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 cũng thiếu các quy định về tiêu chí (trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức) của hòa giải viên, tổ hòa giải...

- Những bất cập của các quy định về bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình:

+ Các thủ tục hành chính và điều kiện để xử lý vụ việc bạo lực gia đình trong Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 còn khá phức tạp. Nhiều nạn nhân bạo lực gia đình ngại tiếp xúc với chính quyền vì không biết phải trình bày thế nào và bị người gây bạo lực đe dọa nếu viết đơn hoặc tố cáo.

+ Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 quy định khi áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc thì phải có đơn đề nghị. Việc quy định viết đơn trong áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc là thủ tục hành chính không cần thiết gây khó khăn cho chính người bị bạo lực cũng như các cơ quan chức năng.

+ Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 không quy định rõ ai là người phải ra khỏi nhà khi xảy ra bạo lực gia đình, trong khi đó, hầu hết các vụ bạo lực gia đình, người phải ra khỏi nhà lại là người bị bạo lực.

+ Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 thiếu các quy định cụ thể về việc cứu người trong trường hợp cấp thiết, đặc biệt với các nạn nhân là trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, phụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ cũng như các nhóm dễ bị tổn thương, yếu thế khác.

+ Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 quy định các biện pháp ngăn chặn, bảo vệ được áp dụng kịp thời để bảo vệ nạn nhân bạo lực gia đình, chấm dứt hành vi bạo lực gia đình, giảm thiểu hậu quả do hành vi bạo lực gây ra. Tuy nhiên, các biện pháp này thiếu khả thi trong thực tiễn, đặc biệt là các biện pháp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19. Nhiều ý kiến cho rằng cần có quy định cụ thể về việc *yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình đến trụ sở Công an cấp xã nơi xảy ra vụ việc bạo lực gia đình hoặc cử công an viên đến nhà để làm việc với người gây bạo lực gia đình*. Nội dung này vừa giúp ngăn chặn vụ việc bạo lực gia đình, bảo vệ người bị bạo lực gia đình, vừa có tính răn đe, giáo dục người gây bạo lực gia đình và nâng cao nhận thức, thái độ của cộng đồng.

+ Việc phát hiện, báo tin về bạo lực gia đình quy định tại Điều 18 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 cũng chưa làm rõ nội dung về trách nhiệm xác minh, xử lý tin báo về vụ việc bạo lực gia đình. Thực tiễn cho thấy đây là một bước rất quan trọng, ảnh hưởng tới tính kịp thời và hiệu quả của việc ngăn chặn, xử lý vụ việc bạo lực gia đình.

+ Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 chưa có các quy định cụ thể để bảo vệ và hỗ trợ các nhóm tham gia công tác phòng, chống bạo lực gia đình (đặc biệt là người trực tiếp ngăn chặn, xử lý vụ việc bạo lực gia đình).

- Những bất cập của các quy định về xử lý hành vi bạo lực gia đình và vi phạm pháp luật trong phòng, chống bạo lực gia đình:

+ Chương V của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 quy định về xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực và khiếu nại, tố cáo. Chương này thiếu những quy định để xử lý trường hợp hành vi bạo lực gia đình chưa đến mức bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

+ Biện pháp phạt tiền trong xử phạt hành chính đối với người có hành vi bạo lực gia đình chưa phát huy hiệu quả. Nhiều trường hợp, người bị bạo lực gia đình là người đứng ra nộp phạt và số tiền nộp phạt lấy từ tài sản chung của gia đình. Điều này khiến cho người bị bạo lực gia đình không muốn tố cáo hành vi bạo lực gia đình trong lần tiếp theo và cũng không giúp cho việc răn đe, giáo dục đối với người gây bạo lực. Vì vậy, ngoài phạt tiền thì cần có các biện pháp mang tính bền vững hơn như giáo dục kiểm soát hành vi, nâng cao nhận thức, hiểu biết về pháp luật, hỗ trợ người gây bạo lực tham gia các khóa học về kỹ năng kiểm soát hành vi bạo lực, chủ động cai nghiện rượu, bia, cờ bạc, nghiện game bạo lực, ma túy, các chất gây nghiện để hạn chế bạo lực gia đình. Tuy nhiên, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 chưa có quy định về vấn đề này.

+ Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 cũng chưa có quy định về việc hỗ trợ, động viên, giúp đỡ người có hành vi bạo lực gia đình sau khi bị xử lý theo quy định của pháp luật để họ không tái diễn hành vi bạo lực gia đình.

+ Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 chưa quy định rõ về thẩm quyền và trách nhiệm của công an cấp xã trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, xác minh và xử lý hành vi bạo lực gia đình.

b) Về công tác phối hợp liên ngành và điều kiện đảm bảo để thực hiện phòng, chống bạo lực gia đình

- Công tác phòng, chống bạo lực gia đình có liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 cũng dành 12 điều để quy định trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong thực hiện nhiệm vụ phòng, chống bạo lực gia đình. Tuy nhiên, sự liên kết giữa các cơ quan, tổ chức chưa được đề cập dẫn đến công tác phòng, chống bạo lực gia đình còn thiếu đồng bộ. Tại cấp tỉnh, huyện, xã có ban chỉ đạo công tác gia đình, trong đó có thực hiện việc phòng, chống bạo lực gia đình nhưng ở trung ương lại chưa có ban chỉ đạo, khiến các địa phương thiếu sự hướng dẫn, chỉ đạo theo ngành dọc từ trung ương. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 cũng chưa quy định rõ vai trò điều phối về phòng, chống bạo lực gia đình của cơ quan quản lý nhà nước.

- Điều kiện bảo đảm là vấn đề then chốt quyết định đến việc triển khai và thi hành pháp luật. Điều 6 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 còn quy định khá chung chung về kinh phí cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình. Theo

đó, kinh phí dành cho các cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình được bố trí lồng ghép, nhiều địa phương không có mục chi về phòng, chống bạo lực gia đình. Do đó, nhiều nhiệm vụ phòng, chống bạo lực gia đình không thực hiện được. Hiện nay, kinh phí chi cho công tác gia đình trong đó có nội dung phòng, chống bạo lực gia đình chỉ chiếm khoảng **0,5%** tổng kinh phí chi cho ngành văn hóa, thể thao và du lịch.

- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 chưa quy định cụ thể về trách nhiệm cũng như biện pháp xử lý đối với người đứng đầu trong phòng, chống bạo lực gia đình. Thực tế cho thấy, lực lượng tham gia phòng, chống bạo lực gia đình cần phải thiết lập ở cộng đồng dân cư để nâng cao tính chủ động, phòng ngừa. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 chưa có giải pháp cụ thể về mô hình phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng.

c) Về công tác xã hội hoá trong phòng, chống bạo lực gia đình

- Khoản 5 Điều 6 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 quy định: *“Người trực tiếp tham gia phòng, chống bạo lực gia đình mà có thành tích thì được khen thưởng, nếu bị thiệt hại về sức khỏe, tính mạng và tài sản thì được hưởng chế độ theo quy định của pháp luật”*. Tuy nhiên, quy định này rất khó thực hiện do việc khen thưởng đối với người hưởng lương từ ngân sách nhà nước được thực hiện trong bình xét thi đua công tác năm. Những tập thể, cá nhân khác tham gia phòng, chống bạo lực gia đình chỉ được khen thưởng vào những dịp tổng kết chương trình, đề án, dự án nhưng số lượng khen thưởng cũng hạn chế.

- Bên cạnh việc biểu dương, khen thưởng thì việc hỗ trợ cho người tham gia phòng, chống bạo lực gia đình bị tổn hại về sức khỏe, thiệt hại về tài sản cũng chưa được thực hiện. Thời gian qua, một số trường hợp khi chứng kiến hành vi bạo lực gia đình đã can ngăn và bị người có hành vi bạo lực gia đình gây thương tích, thậm chí có trường hợp bị tử vong nhưng việc áp dụng chính sách để hỗ trợ cho những trường hợp này gặp khó khăn.

- Trong những năm qua, đã có một số cá nhân, tổ chức xã hội tham gia đóng góp tích cực cho công tác phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng. Việc khuyến khích sự tham gia của cá nhân, tổ chức này sẽ bổ sung nguồn lực rất lớn cho công tác phòng, chống bạo lực gia đình nhưng Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 chưa có quy định khuyến khích, hỗ trợ để sự tham gia này có hệ thống và bền vững.

3. Bảo đảm phù hợp với các Điều ước, cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia và bài học kinh nghiệm quốc tế

Việt Nam đã tham gia các cam kết quốc tế trong nhiều lĩnh vực, trong đó có quyền con người, vấn đề bạo lực gia đình. Đáng chú ý là Công ước Quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR), Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) và các khuyến nghị của Ủy ban các Công ước Nhân quyền. Công ước CEDAW có hiệu lực ở Việt Nam từ ngày 19/3/1982. Ngay sau khi tham gia các cam kết quốc tế liên quan đến bạo lực gia đình, Việt Nam đã có những bước đi quan trọng để cụ thể hóa về mặt pháp lý như ban hành Luật Bình

đẳng giới năm 2006, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ở khu vực ASEAN, Việt Nam là quốc gia chủ động đưa ra nhiều sáng kiến và tham gia các tuyên bố chung liên quan đến bình đẳng giới, xóa bỏ bạo lực giới và bạo lực gia đình. Tương tự như nhiều quốc gia khác, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình của Việt Nam dựa trên tiếp cận đa ngành và toàn diện nhằm giải quyết bạo lực gia đình.

Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới khi giải quyết vấn đề bạo lực gia đình như: *tại Úc* khi áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc thì người có hành vi bạo lực gia đình là người phải ra khỏi nhà trong trường hợp người bị bạo lực gia đình lựa chọn chỗ ở là chính ngôi nhà của họ. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình của nước ta hiện nay chưa quy định rõ điều này dẫn đến quá trình thực thi luật, người phải ra khỏi nhà lại chính là người bị bạo lực gia đình. Việc áp dụng biện pháp mạnh để ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình cũng được *New Zealand* thực hiện. Theo đó, quốc gia này trao cho cảnh sát quyền được ban hành lệnh an toàn nếu thấy cần thiết để bảo vệ người bị bạo lực gia đình. Trong trường hợp vì sự an toàn cho người bị bạo lực gia đình, cảnh sát có thể ban hành lệnh an toàn mà không cần sự đồng ý của người bị bạo lực gia đình. Mặt khác, cảnh sát *New Zealand* có thể tạm giữ người có hành vi bạo lực gia đình không quá 2 giờ để phục vụ xác minh, điều tra sự việc nếu người có hành vi bạo lực không tuân thủ thì có thể bị cảnh sát bắt mà không cần đến quyết định của cơ quan có thẩm quyền. *Tại Hàn Quốc*, sau khi cơ quan có thẩm quyền nhận được tin báo, tố giác về hành vi bạo lực, cán bộ điều tra sẽ lập tức đến hiện trường vụ việc bạo lực gia đình. Trong quá trình điều tra, xác minh vụ việc cán bộ điều tra có trách nhiệm thực hiện các biện pháp cần thiết, bao gồm: tách người bị bạo lực gia đình, người cung cấp tin báo, tố giác, nhân chứng... khỏi đối tượng có hành vi bạo lực vì mục đích điều tra để họ có thể thoải mái cung cấp lời khai. Luật của Hàn Quốc cũng quy định không ai được phép từ chối hợp tác với cán bộ điều tra được phái cử đến hiện trường vụ bạo lực gia đình hoặc can thiệp vào các hoạt động của cán bộ điều tra này mà không có lý do chính đáng. *Tại Anh*, cảnh sát cấp cao đưa ra thông báo cảnh cáo người có hành vi bạo lực gia đình để làm cơ sở cho xử lý nếu tái phạm hành vi bạo lực. Theo đó, người có hành vi bạo lực gia đình sau khi đã nhận được thông báo của cảnh sát nếu tiếp tục có hành vi bạo lực gia đình thì sẽ bị bắt giữ mà không cần có lệnh bắt. *Tại Malaysia*, nhân viên phúc lợi xã hội ban hành lệnh bảo vệ khẩn cấp sẽ gửi một bản sao của lệnh cho sĩ quan cảnh sát quận, huyện nơi người có hành vi bạo lực gia đình cư trú hoặc bất kỳ cảnh sát nào khác dưới quyền chỉ huy của người đó. Cảnh sát có trách nhiệm thi hành ngay quyết định này.

Tại Thụy Điển, Chính phủ coi bạo lực gia đình là trở ngại cấp bách nhất đối với bình đẳng giới. Việc đẩy mạnh công tác phòng, chống bạo lực gia đình được coi là một trong những giải pháp thực hiện bình đẳng giới. Thụy Điển đã phát triển mạng lưới hỗ trợ người bị bạo lực gia đình thông qua địa chỉ tin cậy ở cộng đồng, thực hiện giáo dục người có hành vi bạo lực gia đình hay sử dụng hình ảnh của

người nổi tiếng, hoạt động thể thao để tuyên truyền vận động cho phòng, chống bạo lực gia đình.

Do đó, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 là rất cần thiết nhằm hiện thực hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, đồng thời tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.

Từ những lý do nêu trên, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 đã được Quốc hội khóa XV thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2022 tại kỳ họp thứ 4 (*sau đây viết tắt là Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022*). Ngày 25 tháng 11 năm 2022, Chủ tịch nước ký Lệnh số 11/2022/L-CTN về việc công bố Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH NĂM 2022

1. Quan điểm xây dựng Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022

- *Một là*, tiếp tục thể chế hóa đầy đủ các chủ trương của Đảng về gia đình, trực tiếp là Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới; Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước cũng như Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc khóa XIII cũng đề ra các quan điểm, chủ trương, giải pháp cụ thể cho việc thực hiện các biện pháp phát triển gia đình hạnh phúc, bền vững và thực hiện phòng, chống bạo lực gia đình toàn diện, khả thi, có hiệu quả.

- *Hai là*, bảo đảm phù hợp với chủ trương, quan điểm của Đảng về hoàn thiện hệ thống pháp luật, xây dựng gia đình Việt Nam và phòng, chống bạo lực gia đình trong tình hình mới; cụ thể hóa đầy đủ, chính xác nội dung, quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân, xây dựng và phát triển gia đình, bảo vệ các đối tượng yếu thế ngay trong mỗi gia đình; bảo đảm thiết lập các nguyên tắc và biện pháp phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội của Việt Nam.

- *Ba là*, tuân thủ các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết và tham gia, bảo đảm tính đồng bộ, minh bạch, khả thi, phù hợp giữa các cam kết quốc tế và tình hình thực tiễn của Việt Nam.

- *Bốn là*, kế thừa đầy đủ các chế định cơ bản của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 còn phù hợp, có điều chỉnh, sửa đổi để khắc phục những vướng mắc, bất cập và bổ sung những vấn đề mới phát sinh.

2. Mục tiêu xây dựng Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022

Việc sửa đổi Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 nhằm hoàn thiện thể chế về công tác phòng, chống bạo lực gia đình theo hướng tăng cường các biện

pháp bảo vệ các quyền con người theo Hiến pháp năm 2013; nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các thiết chế nhà nước, xã hội cũng như vai trò của gia đình về lĩnh vực này, góp phần gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của gia đình, dân tộc, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong tình hình mới.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN

Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 gồm 6 Chương, 56 Điều, tập trung vào 5 nhóm vấn đề mới. Theo đó, phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người và lấy người bị bạo lực gia đình làm trung tâm, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến hành vi bạo lực gia đình, nhóm đối tượng được áp dụng tương tự. Thực hiện phòng ngừa bạo lực gia đình chủ động, trong phòng có chống, trong chống có phòng thể hiện tại các quy định đã được sửa đổi, bổ sung về thông tin, truyền thông, giáo dục, tư vấn, hòa giải, tiếp nhận tin báo, tố giác... Sửa đổi, bổ sung các biện pháp bảo vệ, hỗ trợ, xử lý vi phạm trong phòng, chống bạo lực gia đình. Khuyến khích xã hội hóa công tác phòng, chống bạo lực gia đình, đồng thời nâng cao trách nhiệm của Nhà nước trong bố trí nguồn lực cho phòng, chống bạo lực gia đình để hướng tới xây dựng và phát triển các cơ sở trợ giúp về phòng, chống bạo lực gia đình hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả. Cụ thể:

1. Chương I. Những quy định chung, gồm 12 điều (từ Điều 1 đến Điều 12)

Chương này quy định về phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; hành vi bạo lực gia đình; nguyên tắc phòng, chống bạo lực gia đình; những hành vi bị cấm; chính sách của Nhà nước; Tháng hành động quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình; hợp tác quốc tế; quyền và trách nhiệm của người bị bạo lực gia đình; trách nhiệm của người có hành vi bạo lực gia đình; quyền và trách nhiệm của thành viên gia đình; quyền và trách nhiệm của cá nhân trong phòng, chống bạo lực gia đình.

So với Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007, Chương này sửa đổi, bổ sung 8 điều, bổ sung mới 4 điều.

a) Nội dung sửa đổi, bổ sung

- Luật sửa đổi, bổ sung 8 điều trong Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007, gồm từ Điều 1 đến Điều 8.

- Lý do sửa đổi, bổ sung:

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về “*Phạm vi điều chỉnh*” (Điều 1). Việc sửa đổi nội dung của điều này để phù hợp với bố cục, nội dung được quy định trong Luật này. Cụ thể:

Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 quy định về phòng ngừa, **ngăn chặn**, bảo vệ, hỗ trợ, xử lý vi phạm trong phòng, chống bạo lực gia đình; **điều kiện bảo đảm phòng, chống bạo lực gia đình; quản lý nhà nước** và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân trong phòng, chống bạo lực gia đình.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định “*Các hành vi bạo lực gia đình*” (Điều 3). Việc sửa đổi điều này nhằm bổ sung những hành vi bạo lực mới như: *Bỏ mặc, không quan tâm; không nuôi dưỡng, chăm sóc thành viên gia đình là trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi, người khuyết*

tật, người không có khả năng tự chăm sóc; không giáo dục thành viên gia đình là trẻ em; Kỳ thị, phân biệt đối xử về hình thể, giới, giới tính, năng lực của thành viên gia đình; Ngăn cản thành viên gia đình gặp gỡ người thân, có quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh hoặc hành vi khác nhằm cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý; Tiết lộ hoặc phát tán thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình của thành viên gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm; Cưỡng ép thực hiện hành vi tình dục trái ý muốn của vợ hoặc chồng; Cưỡng ép trình diễn hành vi khiêu dâm; cưỡng ép nghe âm thanh, xem hình ảnh, đọc nội dung khiêu dâm, kích thích bạo lực; Cưỡng ép mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi; giam cầm thành viên gia đình. Sửa đổi một số hành vi để phù hợp hơn với thực tiễn được quy định tại điểm e, i, l, n, o, p, q khoản 1 Điều 3.

Khoản 2 quy định: Hành vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện giữa người đã ly hôn; người chung sống như vợ chồng; **người là cha, mẹ, con riêng, anh, chị, em của người đã ly hôn**, của người chung sống như vợ chồng; **người đã từng có quan hệ cha mẹ nuôi và con nuôi với nhau cũng được xác định là hành vi bạo lực gia đình theo quy định của Chính phủ.**

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về “*Nguyên tắc phòng, chống bạo lực gia đình*” (Điều 4). Việc sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm phòng ngừa chủ động “*Phòng ngừa là chính, lấy người bị bạo lực gia đình là trung tâm*”, giảm thiểu hậu quả do bạo lực gia đình gây ra thông qua việc kịp thời xử lý các vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình; bảo đảm về bí mật đời tư, tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp và nguyện vọng chính đáng của người bị bạo lực gia đình; nâng cao trách nhiệm của cơ quan tổ chức và người đứng đầu; tăng cường công tác phối hợp liên ngành trong phòng, chống bạo lực gia đình; phát huy vai trò, trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cộng đồng trong phòng, chống bạo lực gia đình; thực hiện trách nhiệm nêu gương trong phòng, chống bạo lực gia đình đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về “*Những hành vi bị nghiêm cấm*” (Điều 5). Việc sửa đổi, bổ sung điều này nhằm bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn công tác phòng, chống bạo lực gia đình.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về “*Chính sách của Nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình*” (Điều 6). Việc sửa đổi, bổ sung quy định này nhằm cập nhật những chính sách mới, đặc thù trong công tác phòng, chống bạo lực gia đình nhằm khuyến khích xã hội hóa phòng, chống bạo lực gia đình, phát huy cơ chế phối hợp liên ngành trong phòng, chống bạo lực gia đình.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về “*Hợp tác quốc tế về phòng, chống bạo lực gia đình*” (Điều 8). Việc bổ sung, sửa đổi nhằm mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ nguồn lực cho công tác phòng, chống bạo lực gia đình.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định “*Quyền và nghĩa vụ của người bị bạo lực gia đình*” (Điều 9). Việc sửa đổi tên gọi Điều này để bảo đảm tính thống nhất chung trong các quy định. Điểm nhấn trong tên gọi của Điều này là sự thay đổi về thuật ngữ “*nạn nhân bạo lực gia đình*” thành “*người bị bạo lực gia đình*” sự thay đổi này không làm thay đổi về nội hàm nhưng làm thay đổi về nhận thức hành động và

phù hợp với thông lệ của quốc tế hiện nay.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định “*Trách nhiệm của người có hành vi bạo lực gia đình*” (Điều 10). Việc sửa đổi tên gọi để bảo đảm tính thống nhất trong quy định quyền và trách nhiệm. Mặt khác, cần bổ sung trách nhiệm của người có hành vi bạo lực gia đình là “*chấm dứt ngay hành vi bạo lực gia đình*” và phải “*chủ động khắc phục hậu quả đã gây ra cho người bị bạo lực gia đình*”.

b) Bổ sung mới 4 điều, gồm Điều 2, Điều 7, Điều 11 và Điều 12, cụ thể:

- Bổ sung mới quy định về “*Giải thích từ ngữ*” (Điều 2). Việc bổ sung nhằm tạo sự thống nhất trong cách hiểu một số thuật ngữ được sử dụng trong Luật này. Cụ thể: Tại Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

+ *Bạo lực gia đình* là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, tình dục, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình.

+ *Cắm tiếp xúc* là biện pháp cấm người có hành vi bạo lực gia đình đến gần người bị bạo lực gia đình hoặc sử dụng phương tiện, công cụ để thực hiện hành vi bạo lực gia đình.

+ *Nơi tạm lánh* là địa điểm để bảo đảm an toàn cho người bị bạo lực gia đình.

+ *Giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình* là quá trình cung cấp kiến thức, kỹ năng ứng xử, kiểm chế cảm xúc tiêu cực, kiểm soát hành vi, giải quyết mâu thuẫn giúp người có hành vi bạo lực gia đình chấm dứt bạo lực gia đình.

- Bổ sung quy định về “*Tháng hành động quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình*” (Điều 7). Việc bổ sung tháng hành động quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình nhằm tăng cường công tác thông tin, truyền thông, giáo dục về phòng, chống bạo lực gia đình.

- Bổ sung quy định về “*Quyền và trách nhiệm của thành viên gia đình*” (Điều 11). Việc sửa đổi điều này xác lập rõ quyền và trách nhiệm của thành viên gia đình trong phòng, chống bạo lực gia đình.

- Bổ sung quy định về “*Trách nhiệm của cá nhân*” (Điều 12). Việc sửa đổi điều này xác lập rõ trách nhiệm của cá nhân trong *báo tin, tố giác hành vi bạo lực gia đình, tham gia bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình và các hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng*.

2. Chương II. Phòng ngừa bạo lực gia đình, gồm 06 điều (từ Điều 13 đến Điều 18).

Chương này quy định về mục đích, yêu cầu trong thông tin, truyền thông, giáo dục; Nội dung thông tin, truyền thông, giáo dục; Hình thức thông tin, truyền thông, giáo dục; Tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; Hòa giải trong phòng, chống bạo lực gia đình; Chủ thể tiến hành hòa giải.

So với Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007, Chương này bổ sung điểm mới, như sau:

2.1. Bổ sung mục đích, yêu cầu trong thông tin, truyền thông, giáo dục

Luật năm 2022	Luật năm 2007
<p>Điều 13. Mục đích, yêu cầu trong thông tin, truyền thông, giáo dục</p> <p>1. Thông tin, truyền thông, giáo dục về phòng, chống bạo lực gia đình nhằm nâng cao nhận thức, định hướng hành vi ứng xử, góp phần xóa bỏ bạo lực gia đình.</p> <p>2. Việc thông tin, truyền thông, giáo dục về phòng, chống bạo lực gia đình phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:</p> <p>a) Thường xuyên, chính xác, rõ ràng, đơn giản, thiết thực;</p> <p>b) Phù hợp với trình độ, lứa tuổi, giới tính, truyền thống, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, địa bàn; chú trọng đến trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật, người không có khả năng tự chăm sóc, người sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;</p> <p>c) Chú trọng thay đổi hành vi của người có hành vi bạo lực gia đình, người thường xuyên có hành vi cổ xúy cho bạo lực, kỳ thị, phân biệt đối xử về giới, giới tính, định kiến giới;</p> <p>d) Bình đẳng giới, bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín của người bị bạo lực gia đình và những người có liên quan;</p> <p>đ) Bảo đảm an toàn thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình.</p>	<p>Điều 9. Mục đích và yêu cầu của thông tin, tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình</p> <p>1. Thông tin, tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình nhằm thay đổi nhận thức, hành vi về bạo lực gia đình, góp phần tiến tới xóa bỏ bạo lực gia đình và nâng cao nhận thức về truyền thống tốt đẹp của con người, gia đình Việt Nam.</p> <p>2. Thông tin, tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:</p> <p>a) Chính xác, rõ ràng, đơn giản, thiết thực;</p> <p>b) Phù hợp với từng đối tượng, trình độ, lứa tuổi, giới tính, truyền thống, văn hóa, bản sắc dân tộc, tôn giáo;</p> <p>c) <u>Không làm ảnh hưởng đến bình đẳng giới</u>, danh dự, nhân phẩm, uy tín của nạn nhân bạo lực gia đình và các thành viên khác trong gia đình.</p>

2.2. Bổ sung nội dung thông tin truyền thông, giáo dục

Điều 14 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 bổ sung nội dung thông tin, truyền thông, giáo dục, so với Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007, như sau:

- Chính sách, pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.
- **Quyền con người, quyền công dân, bình đẳng giới trong gia đình.**
- Truyền thống tốt đẹp của con người, gia đình Việt Nam; **gương người tốt, việc tốt trong xây dựng gia đình hạnh phúc và phòng, chống bạo lực gia đình.**
- Kiến thức về hôn nhân và gia đình; kỹ năng ứng xử **trong gia đình**; kỹ năng bảo vệ, **hỗ trợ người bị bạo lực gia đình**; phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý hành vi **bạo lực gia đình**.

- Kinh nghiệm phòng, chống bạo lực gia đình **trong nước và quốc tế.**

2.3. *Bổ sung hình thức tuyên truyền về phòng chống bạo lực gia đình*

Theo Điều 15 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022, hình thức tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình bao gồm:

- Hội nghị, hội thảo, tập huấn, nói chuyện chuyên đề; **(Hình thức mới)**
- Phổ biến pháp luật trực tiếp;
- Phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, internet, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động;
- Lồng ghép trong chương trình và hoạt động tại cơ sở giáo dục;
- Tổ chức cuộc thi, chiến dịch truyền thông; **(Hình thức mới)**
- Lồng ghép trong hoạt động văn học, nghệ thuật, thể thao, sinh hoạt đoàn thể, cộng đồng dân cư; mô hình phòng, chống bạo lực gia đình;
- Hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật. **(Hình thức mới)**

2.4. *Bổ sung nội dung tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình*

Theo Điều 16 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 đã quy định rộng hơn về nội dung tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình và các đối tượng được tư vấn (*so với quy định tại Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 là tư vấn về gia đình ở cơ sở*). Ngoài ra, công tác này đã được thực hiện từ cấp tỉnh thay vì từ cấp xã theo như Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007. Qua đó, nâng cao hiệu quả hơn công tác phòng ngừa bạo lực gia đình.

3. **Chương III. Bảo vệ, hỗ trợ, xử lý vi phạm pháp luật trong phòng, chống bạo lực gia đình, gồm 23 điều (từ Điều 19 đến Điều 41).**

Chương này quy định về báo tin, tố giác về hành vi bạo lực gia đình; xử lý tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình; sử dụng âm thanh, hình ảnh về hành vi bạo lực gia đình; biện pháp ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình và bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình; buộc chấm dứt hành vi bạo lực gia đình; yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình đến trụ sở Công an xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình; cấm tiếp xúc theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; cấm tiếp xúc theo quyết định của Tòa án; giám sát việc thực hiện quyết định cấm tiếp xúc; bố trí nơi tạm lánh và hỗ trợ nhu cầu thiết yếu; chăm sóc, điều trị người bị bạo lực gia đình; trợ giúp pháp lý và tư vấn tâm lý, kỹ năng để ứng phó

với bạo lực gia đình; giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình; góp ý, phê bình người có hành vi bạo lực gia đình trong cộng đồng dân cư; thực hiện công việc phục vụ cộng đồng; bảo vệ người tham gia phòng, chống bạo lực gia đình và người báo tin, tố giác về bạo lực gia đình; cơ sở trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình; địa chỉ tin cậy; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở trợ giúp xã hội, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý; cơ sở khác tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình; cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình; xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

So với Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007, chương này sửa đổi, bổ sung mới, cụ thể như sau:

3.1. Bổ sung địa chỉ tiếp nhận tin báo, tố giác hành vi bạo lực gia đình

Điều 18 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 quy định, khi phát hiện bạo lực gia đình, cá nhân, tổ chức báo tin cho các cơ quan sau đây trừ trường hợp người phát hiện là nhân viên y tế hoặc nhân viên tư vấn phát hiện bạo lực gia đình có dấu hiệu tội phạm thì báo cho người đứng đầu để báo công an gần nhất:

- Cơ quan công an gần nhất;
- Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã;
- Người đứng đầu cộng đồng dân cư nơi xảy ra bạo lực;

Từ ngày 01/7/2023, Điều 19 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 quy định cụ thể:

- Địa chỉ tiếp nhận tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình bao gồm:
 - + Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình;
 - + Cơ quan Công an, Đoàn Biên phòng gần nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình;
 - + Cơ sở giáo dục nơi người bị bạo lực gia đình là người học; **(nội dung mới bổ sung)**
 - + Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình;
 - + Người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội cấp xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình; **(nội dung mới bổ sung)**
 - + Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình. **(nội dung mới bổ sung)**
- Việc báo tin, tố giác về hành vi bạo lực gia đình đến địa chỉ quy định trên thực hiện theo các hình thức sau đây: (1) Gọi điện, nhắn tin; (2) Gửi đơn, thư; (3) Trực tiếp báo tin.

3.2. Bổ sung biện pháp ngăn chặn bạo lực gia đình, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình

Theo Điều 22 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022, biện pháp ngăn chặn bạo lực gia đình, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình bao gồm:

- Buộc chấm dứt hành vi bạo lực gia đình;
- Yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình đến trụ sở Công an xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình; **(Biện pháp bổ sung)**
- Cấm tiếp xúc;
- Bố trí nơi tạm lánh và hỗ trợ nhu cầu thiết yếu; **(Biện pháp bổ sung)**
- Chăm sóc, điều trị người bị bạo lực gia đình; **(Hiện nay là biện pháp cấp cứu nạn nhân bạo lực gia đình)**
- Trợ giúp pháp lý và tư vấn tâm lý, kỹ năng để ứng phó với hành vi bạo lực gia đình; **(Biện pháp bổ sung)**
- Giáo dục, hỗ trợ chuyên đổi hành vi bạo lực gia đình; **(Biện pháp bổ sung)**
- Góp ý, phê bình người có hành vi bạo lực gia đình trong cộng đồng dân cư; **(Biện pháp bổ sung)**
- Thực hiện công việc phục vụ cộng đồng; **(Biện pháp bổ sung)**
- Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; các biện pháp ngăn chặn, bảo vệ người bị hại theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự đối với người có hành vi bạo lực gia đình.

3.3. Quy định 2 trường hợp công an xã yêu cầu người bạo lực gia đình đến trụ sở làm việc

Nội dung này là nội dung mới được quy định tại Điều 24 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022. Theo đó, sau khi được phân công giải quyết vụ việc, Trưởng Công an xã có quyền yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình đến trụ sở Công an xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình để làm rõ thông tin, giải quyết vụ việc trong các trường hợp sau đây:

- Người bị bạo lực gia đình là trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật, người không có khả năng tự chăm sóc;

- Khi có căn cứ cho rằng hành vi bạo lực gia đình đã hoặc có thể tiếp tục gây nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của người bị bạo lực gia đình.

Việc yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình đến trụ sở Công an xã phải được lập biên bản và có người trong cộng đồng dân cư chứng kiến.

Trường hợp người có hành vi bạo lực gia đình không chấp hành yêu cầu thì Công an xã được sử dụng công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật để đưa người có hành vi bạo lực gia đình đến trụ sở Công an xã.

3.4. Xử lý tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình

Việc xử lý tin báo, tố giác về bạo lực gia đình được quy định cụ thể tại Điều 20 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022:

- **Bước 1.** Cơ quan Công an, Đoàn Biên phòng gần nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình khi nhận tin báo, tố giác thì trong phạm vi quyền hạn của mình phải (1) kịp thời ngăn chặn, xử lý hành vi bạo lực gia đình theo thẩm quyền; (2) thông báo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình.

Cơ sở giáo dục nơi người bị bạo lực gia đình là người học; Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình; Người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội cấp xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình; Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình khi nhận tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình phải thông báo ngay cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình và theo khả năng của mình tham gia ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình.

- **Bước 2.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xử lý hoặc phân công xử lý ngay khi tiếp nhận tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình hoặc nhận được báo cáo về hành vi bạo lực gia đình của tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 20, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 20.

Trường hợp tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình mà người bị bạo lực là trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật, người không có khả năng tự chăm sóc hoặc hành vi bạo lực gia đình đã hoặc có khả năng gây nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của người bị bạo lực thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công Công an xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Công an xã) xử lý.

- Trường hợp tin báo, tố giác về tội phạm thì việc tiếp nhận và xử lý tin báo, tố giác được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

Việc sửa đổi, bổ sung Điều này nhằm khắc phục tình trạng không báo tin bạo lực gia đình hoặc xử lý tin báo không đúng quy định. Khắc phục điều này được kỳ vọng làm tăng tỷ lệ người bị bạo lực gia đình tìm kiếm sự hỗ trợ từ cơ quan, đoàn thể ở cộng đồng khi bị bạo lực.

3.5. Bổ sung quy định sử dụng âm thanh, hình ảnh về hành vi bạo lực gia đình

Theo Điều 21 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 quy định:

- *Người có âm thanh, hình ảnh về hành vi bạo lực gia đình có quyền cung cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết vụ việc bạo lực gia đình.*

- *Việc sử dụng âm thanh, hình ảnh về hành vi bạo lực gia đình trong quá trình giải quyết vụ việc bạo lực gia đình và đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng, internet phải được sự đồng ý của người bị bạo lực gia đình hoặc người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

Việc bổ sung quy định trên sẽ khắc phục được những hành vi sử dụng, truyền bá thông tin, hình ảnh, âm thanh về hành vi bạo lực gia đình để gây ảnh hưởng tới danh dự, nhân phẩm của người bị bạo lực gia đình.

3.6. Sửa đổi, bổ sung quy định về chăm sóc, điều trị người bị bạo lực gia đình

Điều 29 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022, so với Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 bổ sung cụm từ “**điều trị**” và thay cụm từ “**nạn nhân bạo lực gia đình**” bằng “**người bị bạo lực gia đình**”. Theo đó, quy định về chăm sóc, điều trị người bị bạo lực gia đình như sau:

- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm sau đây:
 - + Tiếp nhận, sàng lọc, phân loại, chăm sóc, điều trị người bệnh là người bị bạo lực gia đình;
 - + Cung cấp thông tin về tình trạng tổn hại sức khỏe của người bị bạo lực gia đình theo đề nghị của người đó hoặc của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.
- Nhân viên y tế trong quá trình chăm sóc, điều trị người bệnh, nếu phát hiện người bệnh có dấu hiệu bị bạo lực gia đình có trách nhiệm báo cáo ngay cho người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
- Cơ sở trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình quy định tại các điểm a, c, d và e khoản 2 Điều 35 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm chăm sóc người bị bạo lực gia đình.
- Người đứng đầu cơ sở trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình có trách nhiệm thông báo cho Công an xã nơi đặt cơ sở về trường hợp người được chăm sóc, điều trị có dấu hiệu bị bạo lực gia đình để bảo vệ, xử lý theo quy định của pháp luật.

3.7. Người có hành vi bạo lực gia đình có thể phải trồng cây, làm sạch đường làng, ngõ xóm

Đây là một biện pháp ngăn chặn bạo lực gia đình, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình mới được bổ sung.

Theo Điều 33 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022, người có hành vi phòng chống bạo lực gia đình có thể phải thực hiện công việc phục vụ cộng đồng.

- Công việc phục vụ cộng đồng là công việc có quy mô nhỏ trực tiếp phục vụ cho lợi ích của cộng đồng nơi người có hành vi bạo lực gia đình cư trú, bao gồm:
 - + Tham gia trồng, chăm sóc cây xanh ở khu vực công cộng; sửa chữa, làm sạch đường làng, ngõ xóm, đường phố, ngõ phố, nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng hoặc công trình công cộng khác;
 - + Tham gia công việc khác nhằm cải thiện môi trường sống và cảnh quan của cộng đồng.

- Danh mục công việc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận trên cơ sở thảo luận, quyết định của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người có hành vi bạo lực gia đình cư trú quyết định và tổ chức cho người có hành vi bạo lực gia đình thực hiện công việc phục vụ cộng đồng.

3.8. Bổ sung cơ sở trợ giúp phòng chống bạo lực gia đình

Theo Điều 35 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022, cơ sở trợ giúp phòng chống bạo lực gia đình bao gồm:

- Địa chỉ tin cậy;
- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;
- Cơ sở trợ giúp xã hội;
- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý; **(bổ sung mới)**
- Cơ sở khác tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình;
- Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình **(bổ sung mới)**.

Hiện nay, theo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 quy định cơ sở trợ giúp phòng chống bạo lực gia đình bao gồm:

- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;
- Cơ sở bảo trợ xã hội;
- Cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình;
- Cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình;
- Địa chỉ tin cậy ở cộng đồng.

3.9. Sửa đổi, bổ sung quy định về xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình

Điều 41 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 nêu rõ, đối tượng bị xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình là: “*Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình...*”. Theo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007, quy định: “*Người có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình...*”.

Đồng thời, bỏ nội dung quy định áp dụng các biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

4. Chương IV. Điều kiện đảm bảo phòng, chống bạo lực gia đình, gồm 4 điều (từ Điều 42 đến Điều 45).

Chương này là chương bổ sung mới so với Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007. Những quy định được bổ sung trong Chương này nhằm khắc phục

bất cập trong phối hợp liên ngành trong phòng, chống bạo lực gia đình; đào tạo, bồi dưỡng người tham gia phòng, chống bạo lực gia đình; kinh phí cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình; cơ sở dữ liệu về phòng, chống bạo lực gia đình; quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu phòng, chống bạo lực gia đình.

So với Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007, chương này bổ sung mới 4 Điều.

- Bổ sung mới quy định về: Kinh phí phòng, chống bạo lực gia đình (Điều 42); Cơ sở dữ liệu về phòng, chống bạo lực gia đình (Điều 43); Phối hợp liên ngành về phòng, chống bạo lực gia đình (Điều 44); Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tham gia phòng, chống bạo lực gia đình (Điều 45). Việc bổ sung mới các quy định này sẽ giúp cho việc triển khai, thi hành Luật đạt hiệu quả hơn, Luật được triển khai và đi vào cuộc sống sớm hơn.

5. Chương V. Quản lý nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong phòng, chống bạo lực gia đình, gồm 9 điều (từ Điều 46 đến Điều 54)

Chương này quy định về nội dung quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình; trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình; trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; trách nhiệm của chính quyền địa phương; trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân các cấp; trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận; trách nhiệm của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; trách nhiệm của tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế.

So với Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007, Chương này bổ sung mới 3 điều, cụ thể là:

- Bổ sung mới quy định về “*Nội dung quản lý Nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình*” (Điều 46). Việc bổ sung quy định này nhằm quy định rõ nội dung quản lý Nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình giúp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống bạo lực gia đình.

- Bổ sung mới quy định về “*Trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp*” (Điều 50). Việc bổ sung quy định này nhằm khắc phục những bất cập trong quản lý Nhà nước, phát huy vai trò của Ủy ban nhân dân các cấp trong công tác phòng, chống bạo lực gia đình.

- Bổ sung mới quy định về “*Trách nhiệm của tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế*” (Điều 54). Việc bổ sung quy định nhằm phát huy vai trò của các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế trong phòng, chống bạo lực gia đình.

6. Chương VI. Điều khoản thi hành, gồm 2 điều (Điều 55, Điều 56)

Bổ sung quy định Tòa án được quyền tự ra quyết định áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc.

Điều 55 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình 2022 đã sửa đổi, bổ sung Điều 135 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 như sau:

"Điều 135. Tòa án tự mình ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

Tòa án tự mình ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 14 (bổ sung) Điều 114 của Bộ luật này trong trường hợp đương sự không yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời".

Như vậy, từ ngày 01/7/2022, Tòa án được quyền tự ra quyết định áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc./.

Chuyên đề 3

CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG DỰ THẢO CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT

1. Sự cần thiết của công tác truyền thông dự thảo chính sách pháp luật

Trên cơ sở thực tiễn, kết hợp với việc thể chế hóa Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng về chủ trương "*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*"; các định hướng lớn về công tác PBGDPL tại Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư; các nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 1521/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 21/2021/QĐ-TTg ngày 21/6/2021 quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp PBGDPL, ngày 30/3/2022 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 407/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "*Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027*".

Việc ban hành Đề án có ý nghĩa rất quan trọng nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp trong quá trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam hiện nay và yêu cầu đổi mới công tác PBGDPL - khâu đầu tiên của quá trình tổ chức thi hành, đưa pháp luật vào cuộc sống, trong đó bảo đảm gắn kết chặt chẽ với công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật.

Từ góc độ người dân, truyền thông chính sách, pháp luật ngay từ khâu dự thảo văn bản được coi là phương thức cơ bản để người dân được "*hưởng dụng quyền dân chủ của mình*". Thông qua truyền thông dự thảo chính sách, nhiều phản ánh, ý kiến của người dân được ghi nhận kịp thời để hoàn thiện dự thảo, qua đó đáp ứng nhu cầu, mong muốn, nguyện vọng chính đáng của người dân. Chính vì vậy, việc truyền thông dự thảo chính sách, pháp luật không những nhằm đảm bảo thực hiện quyền làm chủ của người dân trong tham gia xây dựng pháp luật mà có ý nghĩa hết sức quan trọng trong củng cố, xây dựng niềm tin của Nhân dân vào Đảng, Nhà nước, góp phần thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng XIII về phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò chủ thể của Nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; tăng cường đồng thuận xã hội, đảm bảo quyền con người, quyền công dân theo Hiến pháp năm 2013.

2. Khái niệm chính sách và các tác động của chính sách đối với xã hội

2.1. Khái niệm chính sách

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 13/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ), "*chính sách*" được định nghĩa là "*định hướng, giải pháp của Nhà nước để giải quyết vấn đề của thực tiễn nhằm đạt được mục tiêu nhất định*".

Theo khái niệm trên, một chính sách gồm 3 yếu tố cấu thành chính:

- (i) Vấn đề thực tiễn cần giải quyết;
- (ii) Định hướng, mục tiêu giải quyết vấn đề (hay còn gọi là mục tiêu của chính sách);
- (iii) Các giải pháp của Nhà nước (giải pháp thực hiện chính sách) để giải quyết vấn đề theo mục tiêu đã xác định.

2.2. Các tác động của chính sách đối với xã hội

Tác động của chính sách đối với xã hội được nhận diện trên 05 khía cạnh:

- *Tác động về kinh tế* là những tác động của chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân ở một hoặc một số nội dung về sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, môi trường đầu tư và kinh doanh, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân, cơ cấu phát triển kinh tế của quốc gia hoặc địa phương, chi tiêu công, đầu tư công và các vấn đề khác có liên quan đến kinh tế;

- *Tác động về xã hội* là những tác động của chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân ở một hoặc một số nội dung về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, đi lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội, chính sách dân tộc (nếu có) và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội;

- *Tác động về giới* là những tác động của chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân ở khía cạnh kinh tế, xã hội liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới;

- *Tác động của thủ tục hành chính* là những tác động của chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc tuân thủ các thủ tục hành chính;

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật* là những tác động của chính sách đối với hệ thống pháp luật ở các khía cạnh tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2.3. Các chính sách lớn trong quá trình xây dựng VBQPPL cần được truyền thông theo quy định tại Quyết định số 407/QĐ-TTg

Truyền thông chính sách được hiểu là một phần trong hoạt động của các cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật nhằm đưa thông tin về các chính sách đến người dân. Đồng thời, đây là kênh thông tin ngược để các cơ quan này lấy ý kiến các đối tượng chịu sự tác động của chính sách khi xây dựng các loại chính sách mới hay điều chỉnh chính sách hiện tại, tạo ra sự đồng thuận xã hội. Trên cơ sở quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và quy định của Quyết định số 407/QĐ-TTg, trong quá trình xây dựng VBQPPL, cần lưu ý một số vấn đề sau đây:

Thứ nhất, xác định các chính sách lớn cần được truyền thông dựa trên các tiêu chí đã được quy định tại Quyết định số 407/QĐ-TTg:

+ **Một là:** các chính sách được ban hành trong các văn bản quy phạm pháp luật phải thực hiện quy trình lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trước khi tiến hành soạn thảo được quy định tại Điều 4, Nghị định số 34/NĐ-CP gồm các trường hợp:

1. Luật, pháp lệnh.

2. Nghị quyết của Quốc hội quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 15 của Luật; nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 của Luật.

3. Nghị định của Chính phủ quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật.

4. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật.

Như vậy, với quy định tại Điều 4 ngoài luật, pháp lệnh do Quốc hội ban hành thì các văn bản sau phải lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

- Đối với loại Nghị quyết của Quốc hội quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 15 của Luật, Nghị quyết ban hành để quy định:

“b) Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành;

c) Tạm ngưng hoặc kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần luật, nghị quyết của Quốc hội đáp ứng các yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quyền con người, quyền công dân;”

- Đối với loại Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 của Luật, được ban hành để quy định:

“b) Tạm ngưng hoặc kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội đáp ứng các yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội;”

- Đối với loại Nghị định của Chính phủ quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật được ban hành để quy định:

“Vấn đề cần thiết thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội nhưng chưa đủ điều kiện xây dựng thành luật hoặc pháp lệnh để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Trước khi ban hành nghị định này phải được sự đồng ý của Ủy ban thường vụ Quốc hội”.

- Đối với loại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật được ban hành để quy định:

Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

+ **Hai là:** các chính sách này tác động trực tiếp làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ của người dân, tổ chức, doanh nghiệp. Tác động này được xác

định trên 05 khía cạnh là kinh tế, xã hội, giới, thủ tục hành chính và hệ thống pháp luật. Chính sách có thể tác động ở một, một số hoặc tất cả các khía cạnh. Các lĩnh vực pháp luật mà thông thường, chính sách sẽ tác động trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ của người dân, tổ chức, doanh nghiệp là: thuế, hải quan; đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản; lao động, an sinh xã hội; đầu tư, kinh doanh; giáo dục và đào tạo; y tế; lĩnh vực pháp luật về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân (tôn giáo, biểu tình, hội, xuất, nhập cảnh, cư trú, quốc tịch, hộ tịch); luật sư, công chứng...

+ **Ba là:** các vấn đề chính sách được xác định là những vấn đề khó, nhạy cảm, dư luận xã hội quan tâm hoặc có nhiều ý kiến khác nhau về nội dung dự thảo chính sách. Đây chính là tiêu chí quan trọng nhất để đánh giá mức độ quan trọng của chính sách. Bởi lẽ, mục đích của truyền thông không chỉ là cung cấp thông tin, tạo điều kiện, thu hút người dân và những bên liên quan tham gia vào quy trình xây dựng chính sách mà quan trọng hơn đó là tạo được sự đồng thuận của tất cả các đối tượng đối với chính sách được nhà nước đưa ra truyền thông. Vì vậy, đối với những chính sách còn nhiều ý kiến khác nhau thì việc truyền thông từ sớm từ xa càng quan trọng. Thông qua hoạt động truyền thông, cơ quan chủ trì soạn thảo sẽ được lắng nghe ý kiến phản hồi để từ đó kịp thời bổ sung, điều chỉnh, xây dựng chiến lược, kế hoạch cũng như nội dung phù hợp để tạo được sự đồng thuận của xã hội trong hoạch định chính sách.

+ **Bốn là:** về phạm vi tác động, căn cứ vào nội dung, chính sách cần truyền thông là những chính sách có tác động trên phạm vi cả nước hoặc trên phạm vi toàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Thông thường, phạm vi tác động của chính sách là cả nước, tuy nhiên, cũng có những chính sách có phạm vi tác động chỉ ở một tỉnh, thành phố (ví dụ như chính sách trong các dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về chính sách đặc thù cho một số tỉnh, thành phố).

Thứ hai, về thời điểm truyền thông dự thảo chính sách: Được thực hiện ngay từ khi cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật lấy ý kiến đối với đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Điều 36). Đó là khi cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định việc đăng tải dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản QPPL lên Cổng thông tin điện tử của cơ quan đó và lấy ý kiến bằng văn bản tới các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan. Đây là thời điểm thích hợp nhất để truyền thông chính sách vì để được chính thức đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến rộng rãi tới các đối tượng chịu sự tác động thì các chính sách này đã được cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng trên cơ sở nghiên cứu thấu đáo, tổng kết trên cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn, đó là những vướng mắc, tồn tại và hạn chế trong quá trình thực hiện hoặc những vấn đề phát sinh trong thực tế cần phải điều chỉnh, thay đổi và bổ sung và được tổng hợp ý kiến góp ý từ nhiều cuộc họp, hội thảo, của các chuyên gia thì mới đủ chín muồi để lấy ý kiến rộng rãi của dư luận./.